

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Lê Mỹ Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh Viên: Lê Mỹ Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh Viên: Lê Mỹ Hương

Mã SV: 1412401094

Lớp: QT1806K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ✓ Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy.
- ✓ Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- ✓ Thu thập số liệu về doanh thu bán hàng, giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.
 - Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu đề tài.
 - Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp để hoàn thiện được đề tài.
- Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Đã hệ thống hóa được lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Đã mô tả và phân tích được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy.
 - Đã đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy.
- Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Thị Kim Oanh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1 Doanh thu và thu nhập trong doanh nghiệp	4
1.1.2 Chi phí	7
1.1.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	9
1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.3 Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	11
1.3.1 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.	11
1.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán	16
1.3.3 Kế toán quản lý kinh doanh	21
1.3.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	23
1.3.5 Hạch toán hoạt động khác	27
1.3.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	30
1.4 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp	33
1.4.1. Hình thức kế toán nhật ký chung	33
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	34
1.4.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	36
1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính	37
1.5 Những điểm mới Thông tư 133 so với Quyết định 48.....	39
1.5.2 Khác nhau.....	39
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY.....	41
2.1 Khái quát chung về công ty Cổ Phần Trung Thủy.....	41

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Trung Thủy.....	41
2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty Cổ Phần Trung Thủy	42
2.1.3 Hệ thống tổ chức của công ty Cổ Phần Trung Thủy.....	43
Ví dụ 2.2: Ngày 15/12/2016 bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional	53
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	58
Ví dụ minh họa 2.4: Ngày 15/12/2016 bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional chưa thuế 18.000.000 đồng, thuế GTGT 10% thu bằng tiền mặt. Kế toán định khoản như sau:.....	60
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	63
2.2.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	69
2.2.5. Trong năm 2016 công ty Cổ Phần Trung Thủy không phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác	75
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	75
CHƯƠNG III MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY.....	85
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy.....	85
3.1.1 Ưu điểm	85
3.1.2 Hạn chế	86
3.2 Một số biện pháp nhằm góp phần xác định chính xác kết quả của từng loại sản phẩm tại công ty Cổ Phần Trung Thủy	86
3.2.1 Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ	86
3.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán.....	87
3.2.3 Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty Cổ Phần Trung Thủy.....	91
KẾT LUẬN.....	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đối với tất cả các doanh nghiệp thì doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu. Đó là một giai đoạn không thể thiếu trong mỗi chu kỳ kinh doanh vì nó có tính quyết định đến sự thành bại của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh còn là thành quả lao động cuối cùng là mục tiêu của doanh nghiệp, đồng thời tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và thúc đẩy xã hội phát triển. Vì vậy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò giúp cho nhà quản trị có cái nhìn đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp của mình từ đó đề ra các biện pháp và kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ những lý do trên cùng với những kiến thức được trang bị trên ghế nhà trường và qua một thời gian tìm hiểu tại công ty Cổ Phần Trung Thủy, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy”***

2. Mục đích nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu đề tài này, vận dụng những lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vào thực tiễn kế toán tại công ty Cổ Phần Trung Thủy có thể giúp chúng ta hiểu được và nắm rõ hơn về doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở doanh nghiệp như thế nào. Qua đó đưa ra một số đề xuất giải pháp để góp phần hoàn thiện hơn nữa về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài là toàn bộ chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty Cổ Phần Trung Thủy.

Lấy số liệu của năm 2016 để minh họa

4. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập những chứng từ nghiệp vụ phát sinh thực tế tại công ty Cổ Phần Trung Thủy.
- Tham khảo ý kiến của các anh chị phòng kế toán trong doanh nghiệp.
- Ý kiến của giáo viên hướng dẫn.
- Tham khảo sách báo và một số tài liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Thu thập số liệu từ các chứng từ gốc có liên quan đến đề tài nghiên cứu từ đó tổng hợp vào sổ sách các tài khoản có liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Đồng thời tham khảo một số văn bản quy định chế độ tài chính hiện hành.

5. Kết cấu đề án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- **Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy
- **Chương 3:** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

Được sự giúp đỡ của ban giám đốc, các cán bộ phòng kế toán cùng sự hướng dẫn giúp đỡ nhiệt tình của ThS. Phạm Thị Kim Oanh. Mặc dù bản thân đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên bài luận của em không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, nhận xét của các thầy cô để hoàn thiện hơn bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Đối với doanh nghiệp:
 - Giúp xác định hiệu quả kinh doanh của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
 - Giúp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
 - Đưa ra cơ sở để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nhà nước, thực hiện phân phối cũng như tái đầu tư để sản xuất kinh doanh.
 - Kết hợp những thông tin có sẵn cùng với những thông tin bổ sung để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất trong tương lai.
- Đối với cơ quan nhà nước:
 - Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu để đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Từ đó nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo về điều kiện Chính trị- An ninh- Xã hội là tối ưu nhất.
 - Căn cứ vào tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có thông tin để đề ra phương án phát triển nền kinh tế quốc dân thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
- Đối với các nhà đầu tư :
 - Thông qua các tiêu chí về chỉ tiêu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá xem tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt hay không, có mang lại hiệu quả cao hay không để đề ra kế hoạch đúng đắn .
- Đối với nhà cung cấp:

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cùng như lịch sử thanh toán là tư liệu giúp nhà cung cấp đưa ra phương hướng quyết định cho doanh nghiệp là chậm thanh toán hay trả góp.

1.1.1 Doanh thu và thu nhập trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực kế toán số 14- “ doanh thu và thu nhập khác ”, ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài chính.)

Các loại doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thêm ngoài giá bán.

Doanh thu bán hàng phải đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn quyền nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

➤ Thời điểm ghi nhận doanh thu:

- *Bán hàng theo phương thức hàng gửi đi bán:* Đây là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng hoặc các đại lý, đơn vị lí gửi
- + Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại một điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: Sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn thuộc quyền

sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

+ Đơn vị có hàng kí gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng kí gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng kí gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên kí gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá kí gửi của số hàng kí gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

+ Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng kí gửi: Số sản phẩm nhận bán kí gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng. Trong trường hợp đại lý bán đúng giá ký gửi của chủ hàng và hoa hồng thì không phải tính và nộp thuế GTGT đối với hàng hóa bán đại lý và tiền thu về hoa hồng.

- ***Bán hàng theo phương thức bán lẻ***

Theo phương thức này doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và được coi là tiêu thụ.

- ***Bán hàng theo phương thức trực tiếp.***

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã kí kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- ***Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp***

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

- Một số hình thức khác: khuyến mại, biếu tặng....

b) Các khoản giảm trừ doanh thu

- *Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng số lượng hàng hóa lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian dài nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
- *Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém chất lượng, sai quy cách hoặc bị lạc hậu.
- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- *Thuế GTGT phải nộp* (theo phương pháp trực tiếp) : Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế TTĐB* : là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như rượu, bia, thuốc lá,.....
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế thu vào các mặt hàng được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới giữa các quốc gia.

c) Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

d) Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: Tiền lãi, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập từ các hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên

kết, công ty con, đầu tư vốn khác, các khoản donah thu hoạt động tài chính khác...

e) Thu nhập khác: thu nhập khác là những khoản góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ các hoạt động tạo ra doanh thu (chuẩn mực kế toán số 14)

Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán hàng và thuê tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế NSNN đã hoàn lại.
- Thu nhập từ biểu tặng
- Các khoản thu nhập khác.

1.1.2 Chi phí

1.1.2.1 Khái niệm chung về chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu(theo chuẩn mực kế toán số 01 “chuẩn mực chung” ban hành theo QĐ số 1685/2002/QĐ- BTC ngày 31/12/2002).

1.1.2.2 Các loại chi phí

Chi phí bao gồm:

- ✓ Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa(hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ doanh nghiệp đối với thương mại), hoặc giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- ✓ Chi phí quản lý kinh doanh: là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí bảo quản, vận chuyển, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí nhân viên dịch vụ mua ngoài, và chi phí bằng tiền khác,....., và các chi phí có liên qua tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, các khoản thuế, phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.
- ✓ Chi phí hoạt động tài chính: là các chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho cá bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận. Những chi phí này sinh ra dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- khoản lỗ và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ
- các chi phí khác
- ✓ Chi phí khác: là những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý và nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán(nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Các khoản chi phí khác
- ✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thu nhập của doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * thuế suất thuế TNDN

1.1.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

- ✓ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

$$\begin{matrix} \text{Doanh thu} & & \text{Doanh thu bán hàng} & & \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{thuần về bán} & = & \text{và cung cấp dịch vụ} & - & \text{doanh thu} \\ \text{hàng và cung} & & & & \\ \text{cấp dịch vụ} & & & & \end{matrix}$$

- ✓ lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận gộp} & & \text{Doanh thu thuần về} & & \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{về bán hàng và} & = & \text{bán hàng và cung cấp} & - & \\ \text{cung cấp dịch} & & \text{dịch vụ} & & \\ \text{vụ} & & & & \end{matrix}$$

- ✓ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận gộp} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} & & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{thuần từ} & & \text{về bán hàng} & & \text{thu hoạt} & & \text{phí tài} & & \text{kinh doanh} \\ \text{hoạt động} & = & \text{và cung cấp} & + & \text{động tài} & - & \text{chính} & - & \\ \text{kinh doanh} & & \text{dịch vụ} & & \text{chính} & & & & \end{matrix}$$

- ✓ Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- ✓ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- ✓ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán trước thuế với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời, và giám sát chặt chẽ các khoản doanh thu.
- Phản ánh ghi chép, đầy đủ thành hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị tài sản.
 - Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí, sản phẩm, dịch vụ cung cấp.

❖ Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

- Căn cứ vào thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán(phương pháp tính giá thành, phương pháp tính giá vốn, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.
- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

❖ Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:

- Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động.
- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết của nhà quản trị.

Phân tích đánh giá tình hình xây dựng hệ thống tài chính trong doanh nghiệp

1.3 Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✎ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao hàng hóa, thành phẩm
- Sổ chi tiết, sổ cái, ...
- Chứng từ tính thuế
- Phiếu thu tiền mặt
- Giấy báo có của ngân hàng

✎ Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5112 : Doanh thu bán các sản phẩm
 - TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - TK 5118 : Doanh thu hoạt động khác
- Kết cấu tài khoản

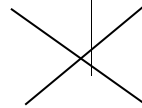
Nợ

TK 511

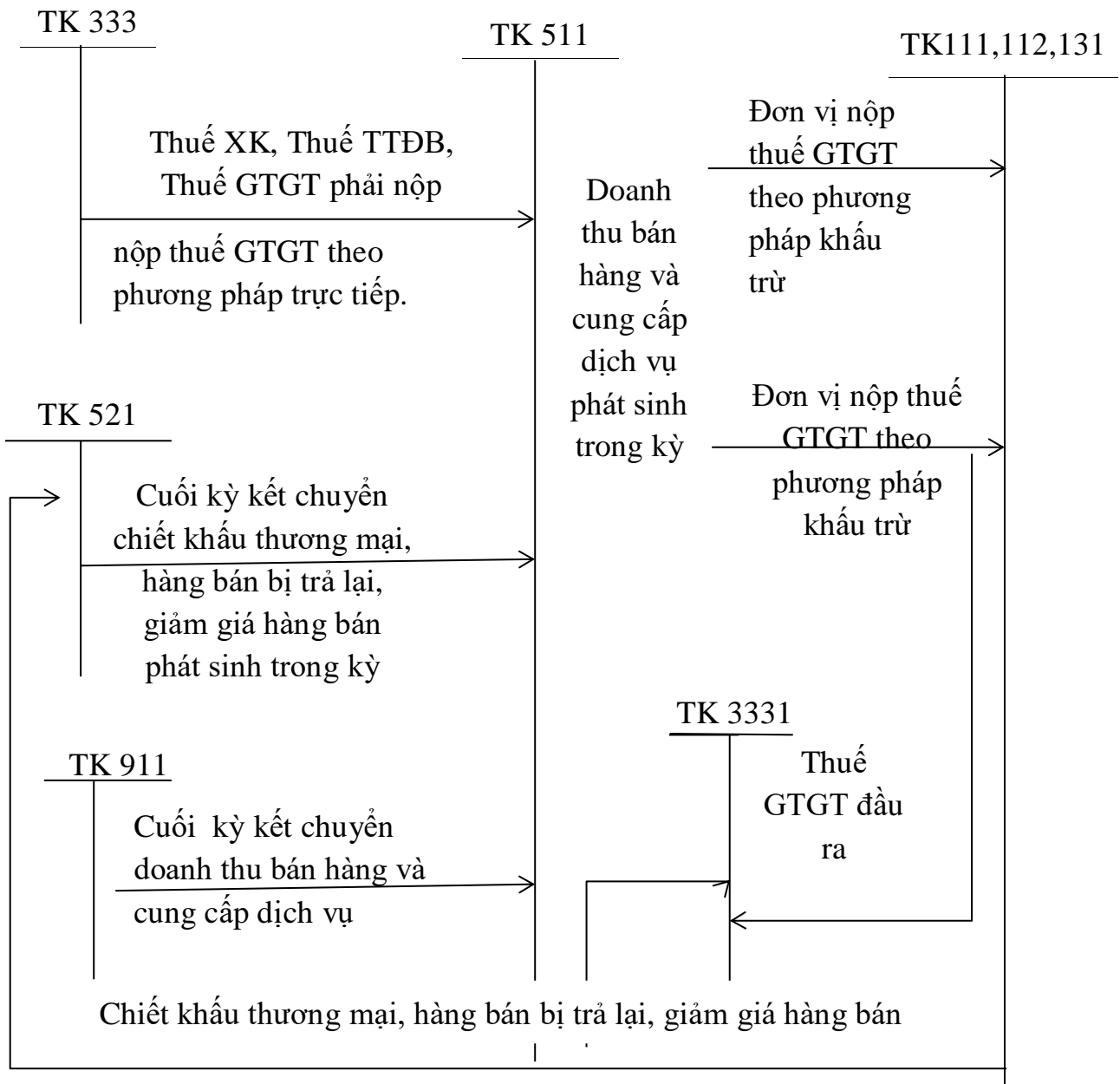
Có

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại, các khoản giảm giá hàng bán, các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

- Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
- *TK 511 không có số dư đầu kỳ*



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các khoản giảm trừ doanh thu.



1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

✎ Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

1. Chiết khấu thương mại: là số tiền bên mua do hưởng do mua hàng với số lượng theo thỏa thuận.
2. Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất
3. Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
4. Các khoản thuế: VAT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.

✎ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

✎ Tài khoản sử dụng:

➤TK521: Các khoản giảm trừ doanh thu

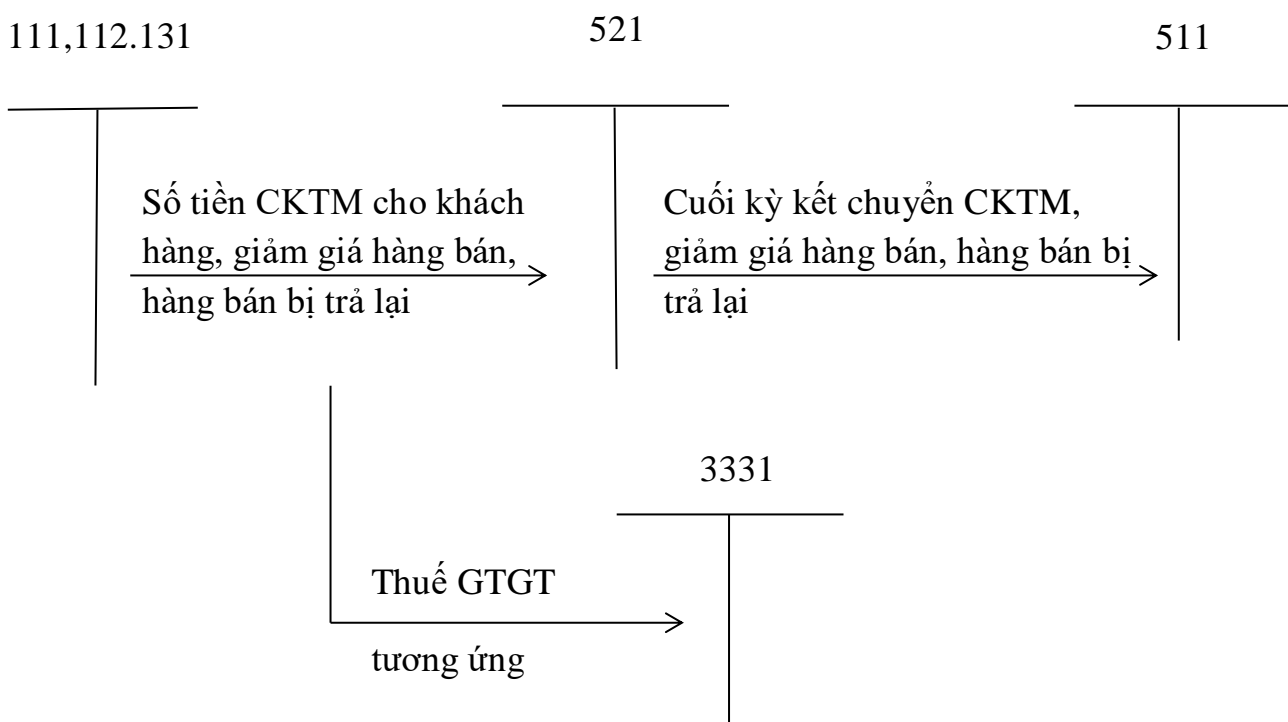
Tài khoản này được dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải tính theo phương pháp trực tiếp.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua do hàng bán kém chất lượng hoặc sai quy cách không đúng yêu cầu trong hợp đồng kinh tế. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào các khoản phải thu khách hàng về số hàng hóa đã bán. 	<p style="font-size: 2em; margin: 0;">X</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo. - TK 521 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch



1.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa là một trong những yếu tố mà các nhà đầu tư quan tâm trong quá trình kinh doanh vì vậy kế toán giá vốn hàng bán là rất cần thiết.

a, Khái niệm

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Trị giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ, các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư bất động sản như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, bất động sản đầu tư.

Sau khi xác định duo trị giá vốn của hàng xuất kho để bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán cần phải xác định kết quả để cung cấp thông tin trình bày báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh). Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp và sự vận động của sản phẩm, hàng hóa mà kế toán xác định giá vốn của hàng đã bán.

b, Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

Có 4 phương pháp tính trị giá hàng xuất kho:

➤ Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Phương pháp này có thể tính duo ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp kịp thời số liệu cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo. Trị giá vốn của hàng tồn kho tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng.

Tuy nhiên, phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại bởi doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu.

➤ Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)

Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này hầu như không được dùng trong thực tế.

➤ Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá hàng nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vduào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

• Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ/tháng (giá bình quân cả kỳ dự trữ)

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho bình quân} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

• Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân tức thời)

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập } i}$$

c, Chứng từ sử dụng

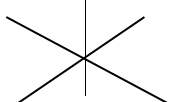
- | | |
|----------------------------------|---------------------------------|
| - Chứng từ kế toán | - Sổ sách kế toán |
| + Phiếu nhập kho | + Sổ chi tiết tài khoản 632 |
| + Phiếu xuất kho | + Bảng tổng hợp chi tiết TK 632 |
| + Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý | + Sổ nhật ký chung |
| + Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn | + Sổ cái TK 632 |
| + Bảng phân bổ giá vốn | |

d, Tài khoản sử dụng

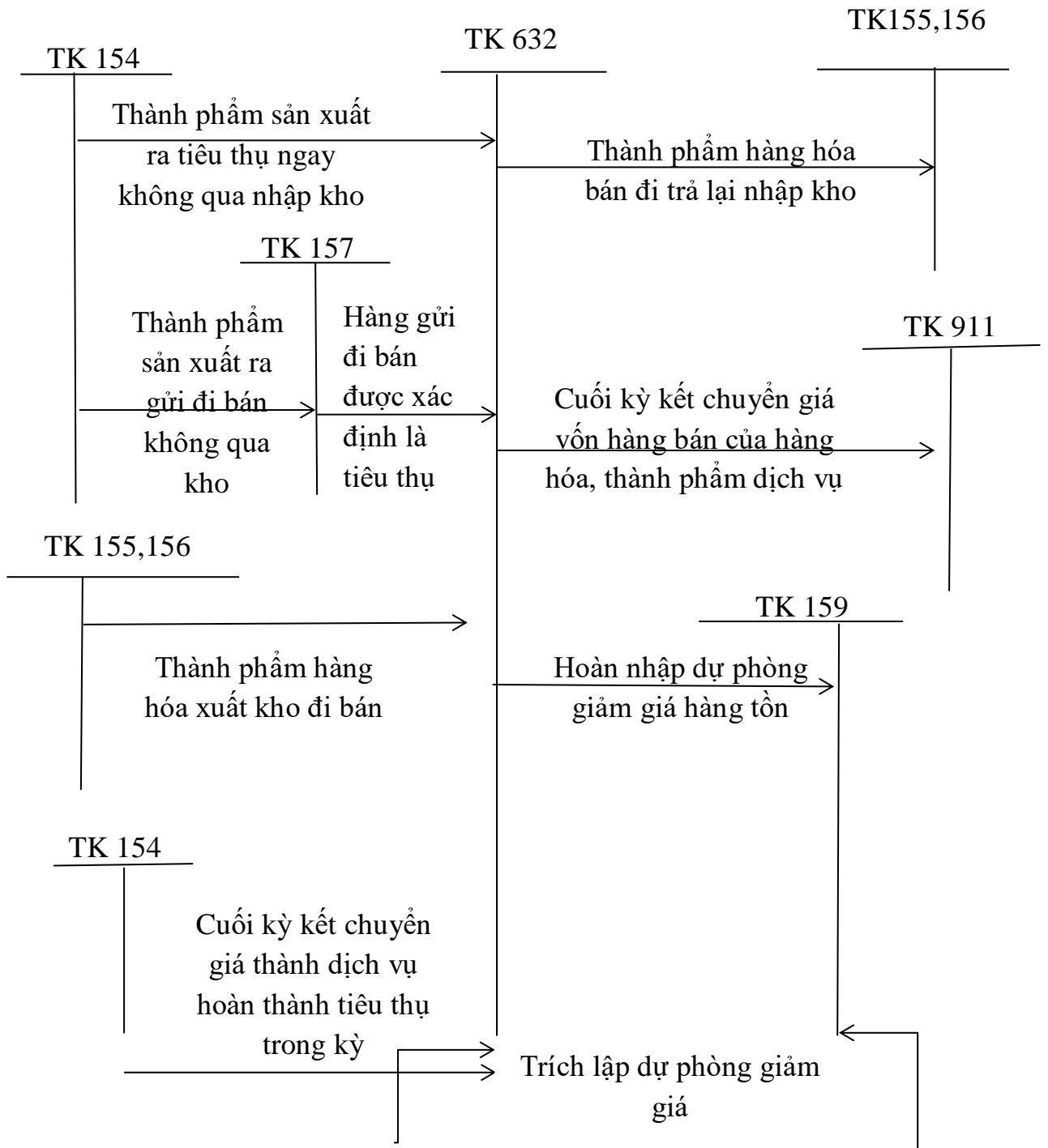
- Theo phương pháp kê khai thường xuyên

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn n thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kinh doanh trong kỳ.

Kết cấu nội dung TK 632

Nợ	TK 632	Có
- Tập hợp giá trị vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ - Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ. - Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” - Kết chuyển giá vốn hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).	
	<p><u>TK 632 không có số dư cuối kỳ</u></p> 	

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

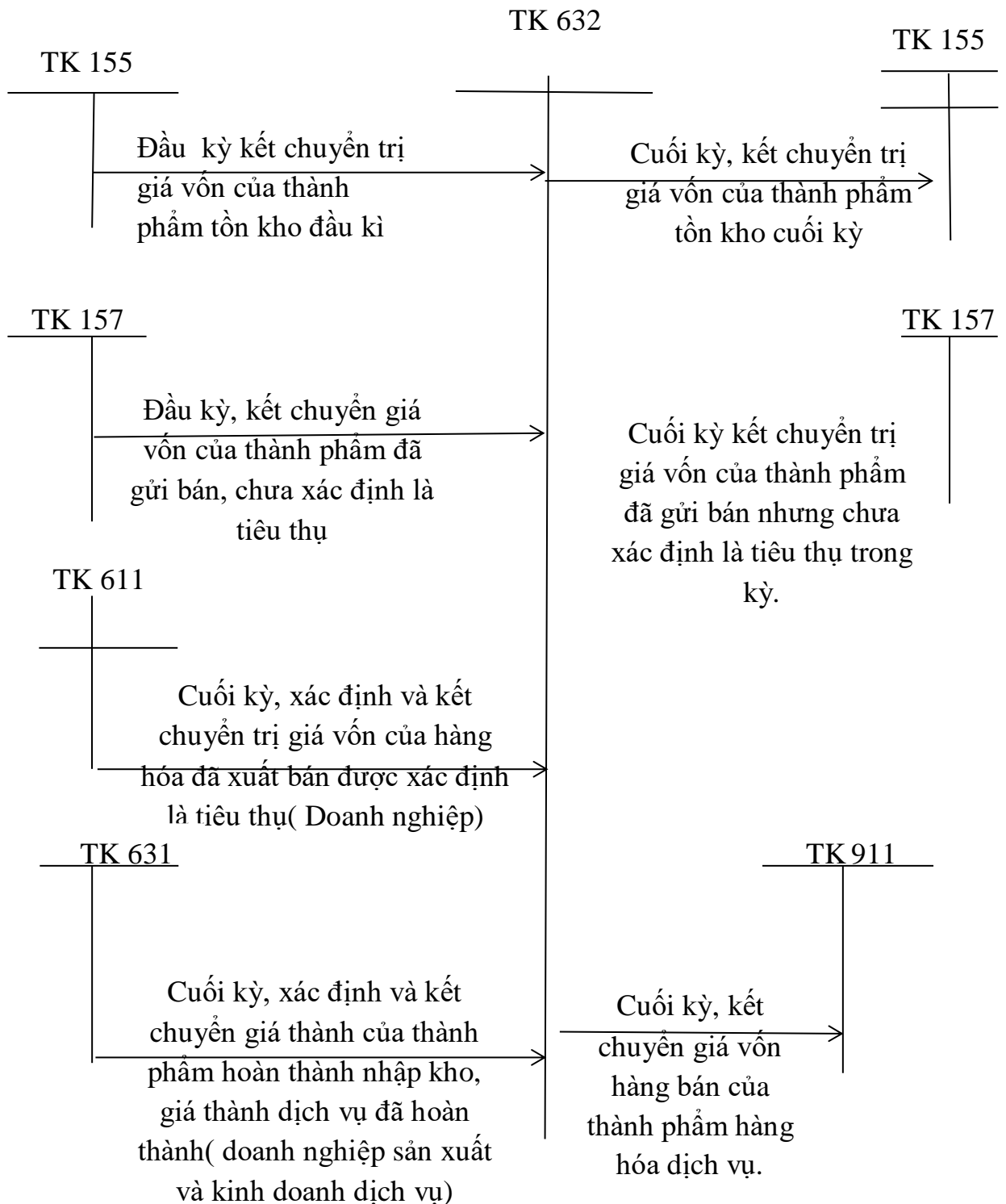


- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

+ Tk 611 “mua hàng” : tương tự như TK 632

Phương pháp hạch toán: được thể hiện qua sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.3 Kế toán quản lý kinh doanh

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ48, để tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp kế toán sẽ sử dụng TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

➤ *Chứng từ sử dụng:*

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

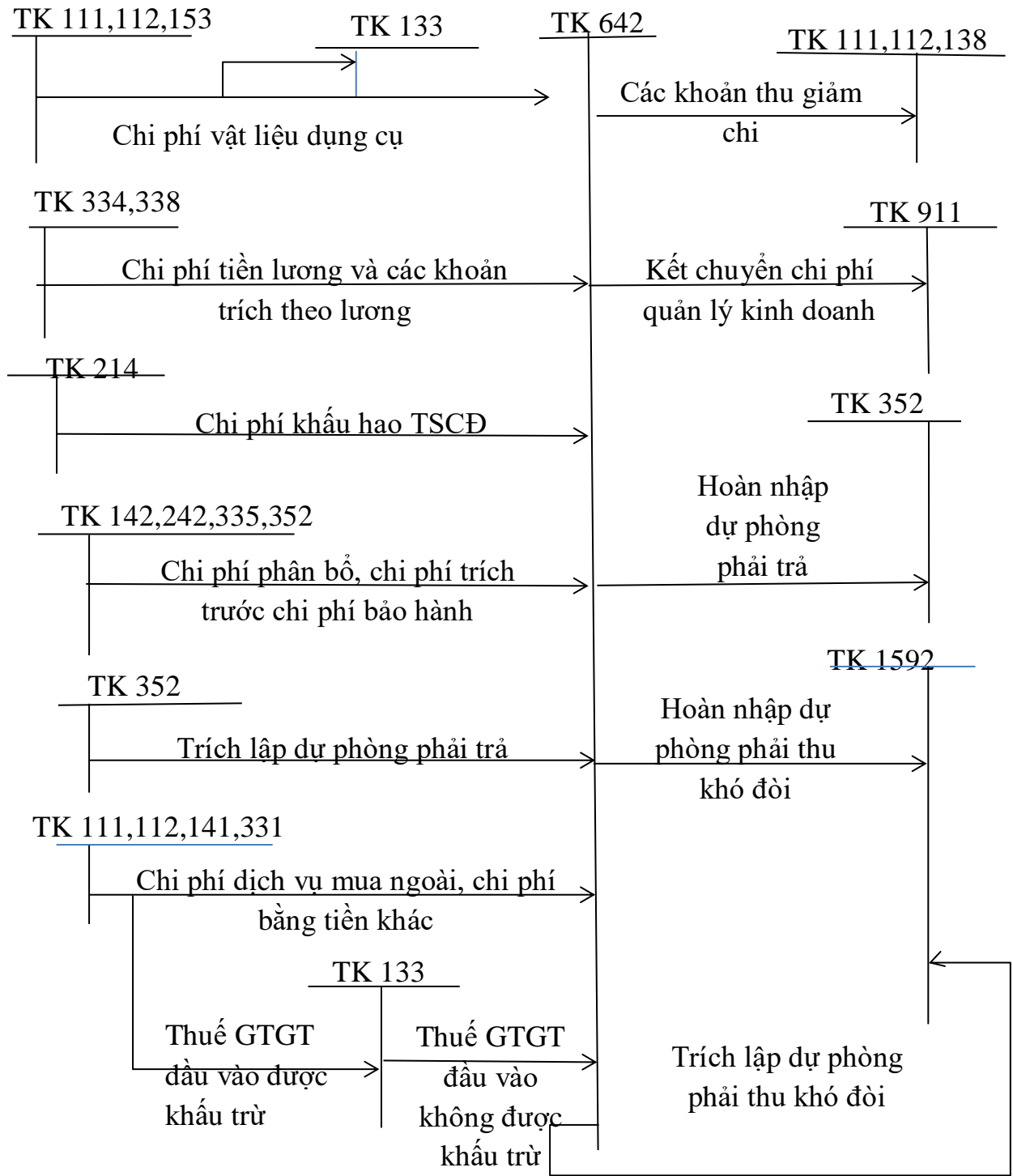
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ(mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC(mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Hàng ngày dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ cái TK 642 phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo hình thức kế toán . Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận tiêu thụ trong kỳ. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kì này nhỏ hơn hoặc chưa có chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào TK 142 “ chi phí trả trước”. Số này kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

➤ *Kết cấu tài TK 642 gồm:*

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ - Trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả , dự phòng trợ cấp mất việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TKL 911 “XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH” 	<p style="text-align: center;"><u>TK 642 không có số dư cuối kỳ</u></p>

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.3.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.3.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo có, giấy bảo nợ, Bảng tổng hợp trả tiền lãi vay, Giấy bảo lãi
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

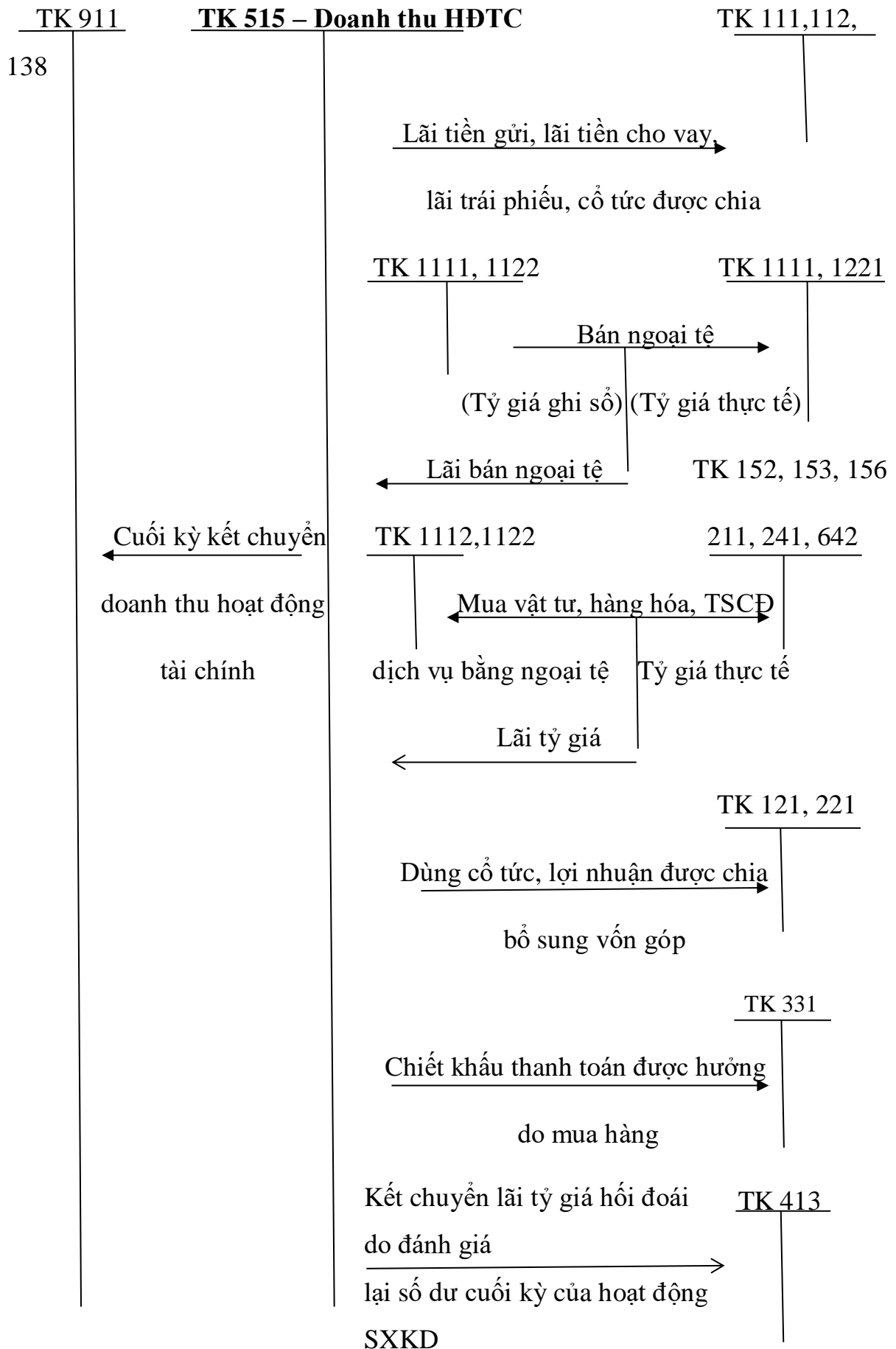
TK này phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết. - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh - Lãi tỷ giá phát sinh khi bán ngoại tệ - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại tài sản cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	<p style="text-align: center;"><i>TK 515 không có số dư cuối kỳ</i></p>

- Phương pháp hạch toán: được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.3.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

➤ Chứng từ sử dụng:

- Bảng tổng hợp trả tiền lãi vay
- Phiếu chi, giấy bảo nợ
- Giấy bảo lãi
- Các chứng từ khác liên quan

➤ Tài khoản sử dụng:

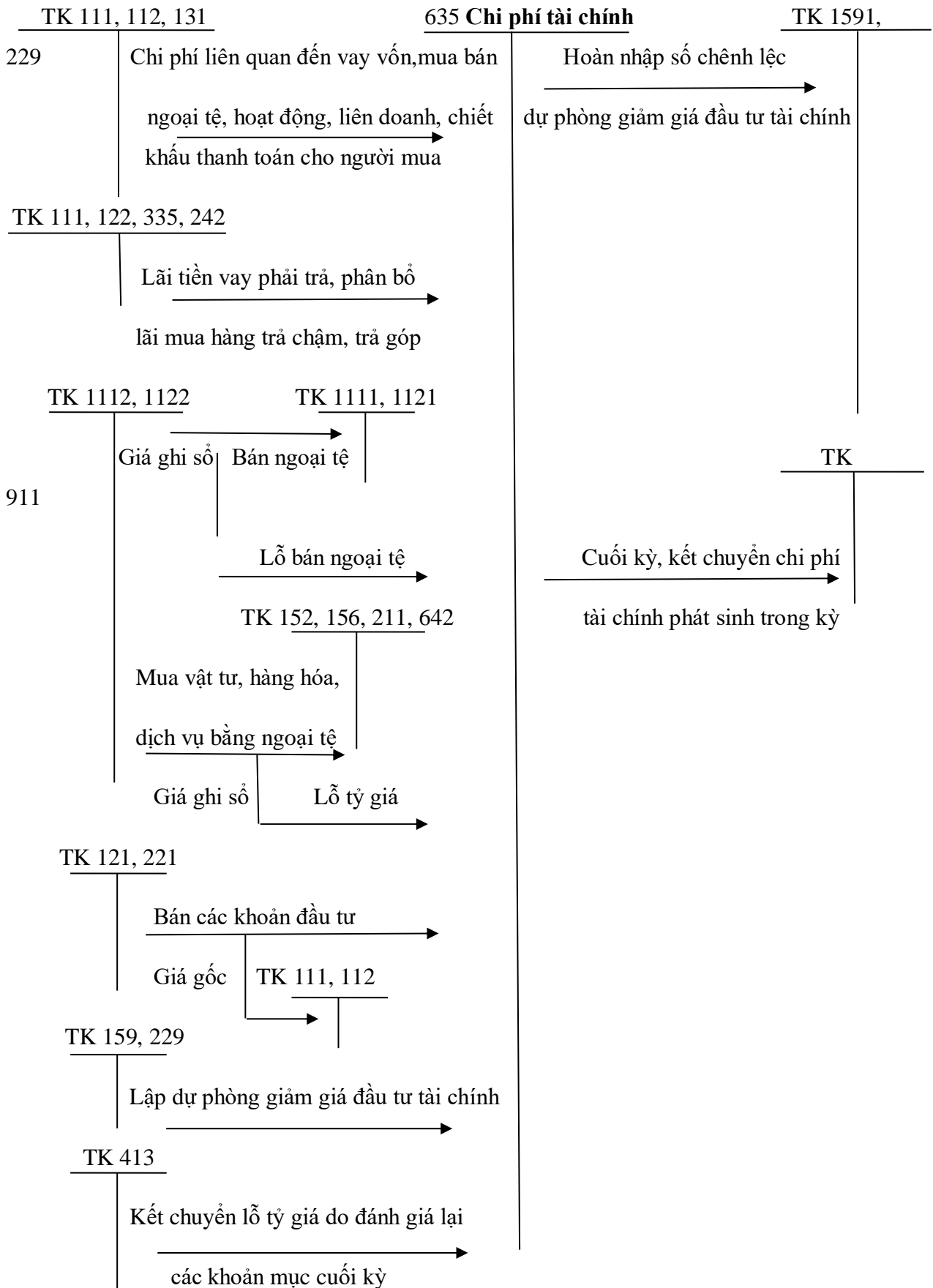
- TK 635 “ Chi phí tài chính”

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

- Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; <p>Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.</p>	<p>TK 635</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì. <p style="text-align: center;"><u>TK 635 không có số dư cuối kỳ</u></p>

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí tài chính



1.3.5 Hạch toán hoạt động khác

1.3.5.1 hạch toán thu nhập khác

- Tài khoản sử dụng:

tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

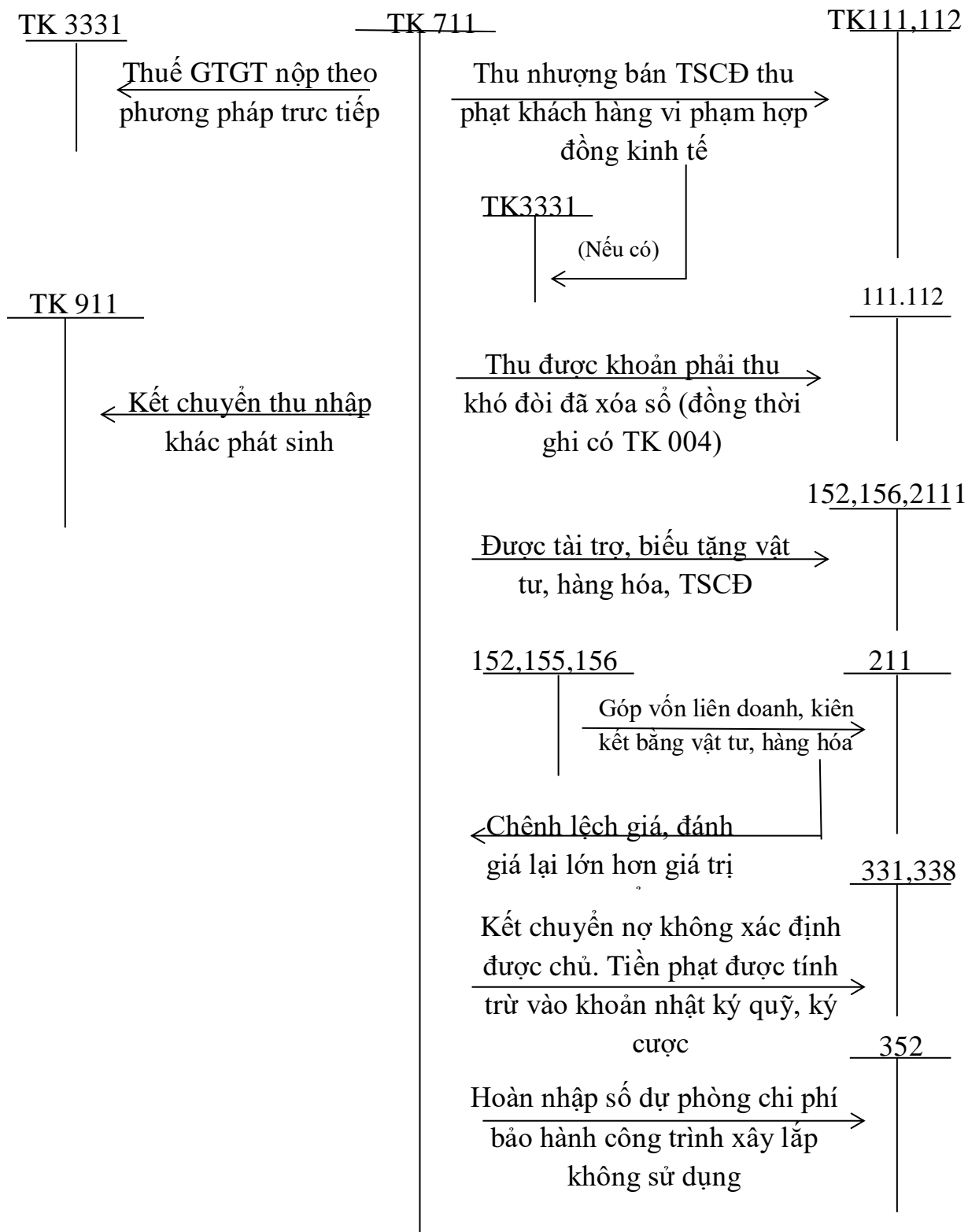
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711:

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911” xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. <p style="text-align: center;"><u>TK 711 không có số dư cuối kỳ</u></p>	

- Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được thể hiện qua sơ đồ 1.8

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



1.3.5.2 Hạch toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí khác phát sinh gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- + Bị phạt thuế, chi nộp thuế
- + Các khoản chi phí do kế toán nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- + Các khoản chi phí khác.

➤ Chứng từ sử dụng:

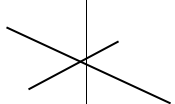
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán(phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, giấy báo có...)
- Các chứng từ liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 811: “Chi phí khác”

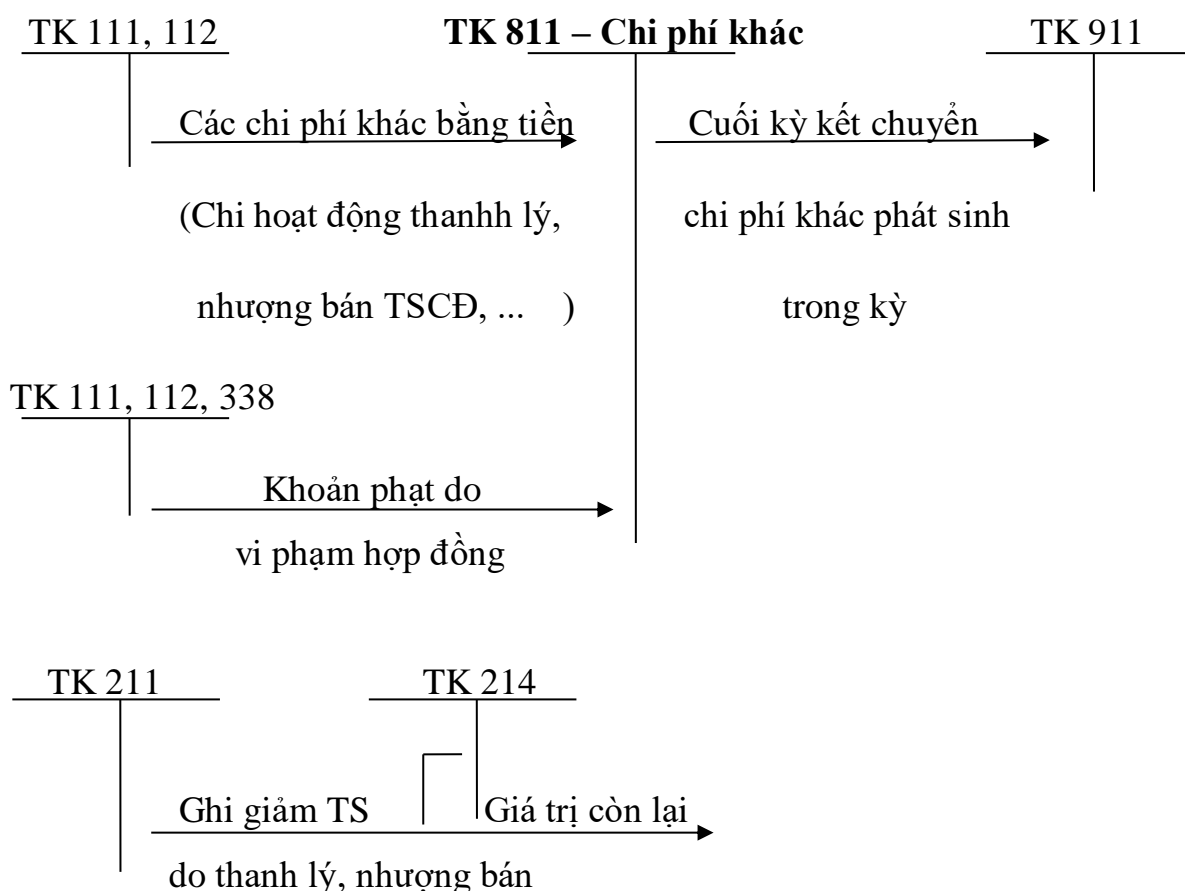
Loại TK này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết cấu nội dung phản ánh tài khoản:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	<div style="text-align: center;">  </div>	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911” xác định kết quả kinh doanh”. <u><i>TK 811 không có số dư cuối kỳ</i></u>

➤ Phương pháp hạch toán được thể hiện qua **sơ đồ 1.9**

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí khác



1.3.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và kết quả thu nhập khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

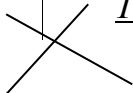
Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

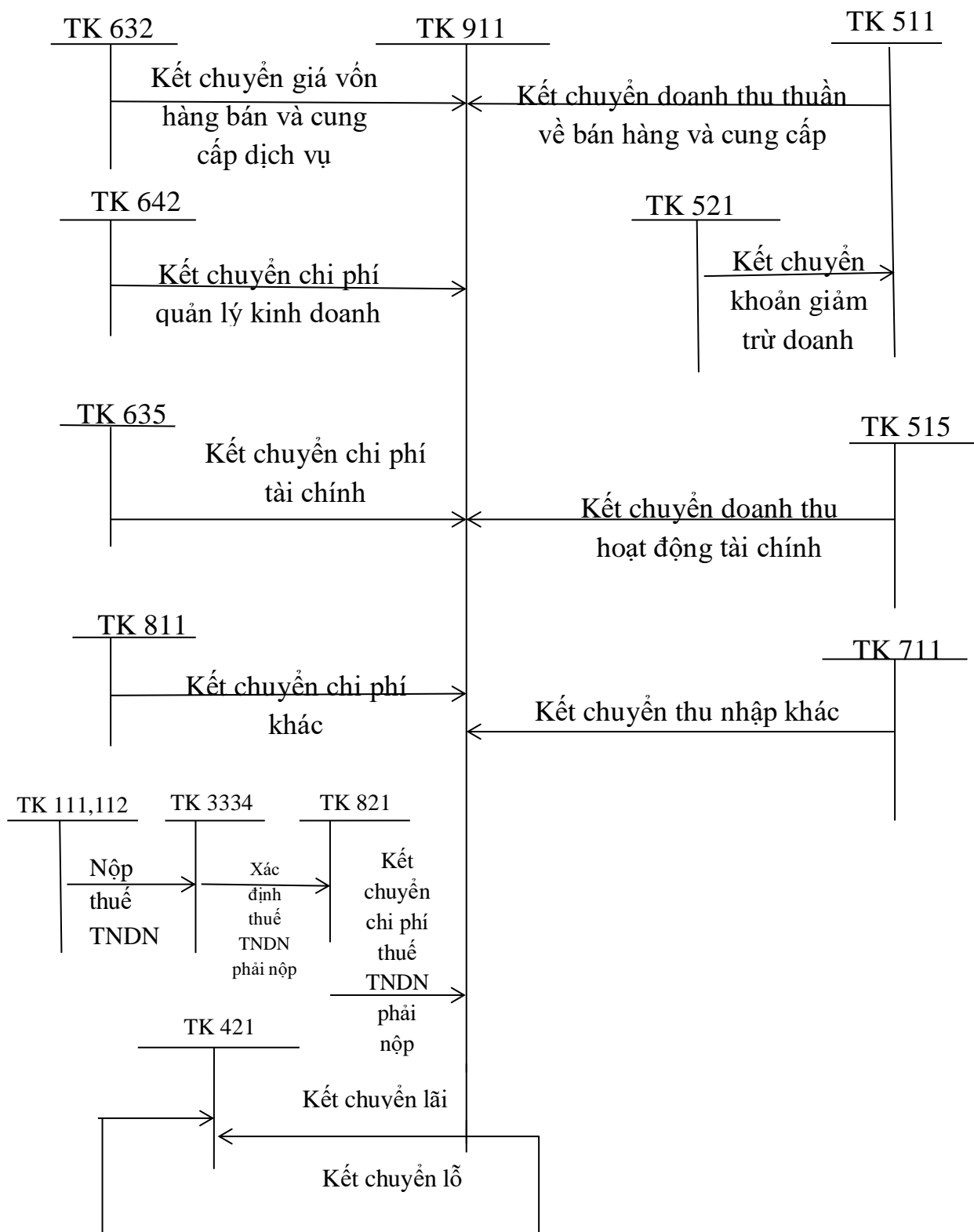
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã cung cấp. - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi sau thuế 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã cung cấp. - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kết chuyển lỗ. <p><i><u>TK 911 không có số dư cuối kỳ</u></i></p>

➤ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ

1.10

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh



1.4 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

1.4.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

✓ **Ưu điểm:**

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.
- Được dùng phổ biến, thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán.
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ nhật ký chung, cung cấp thông tin kịp thời.

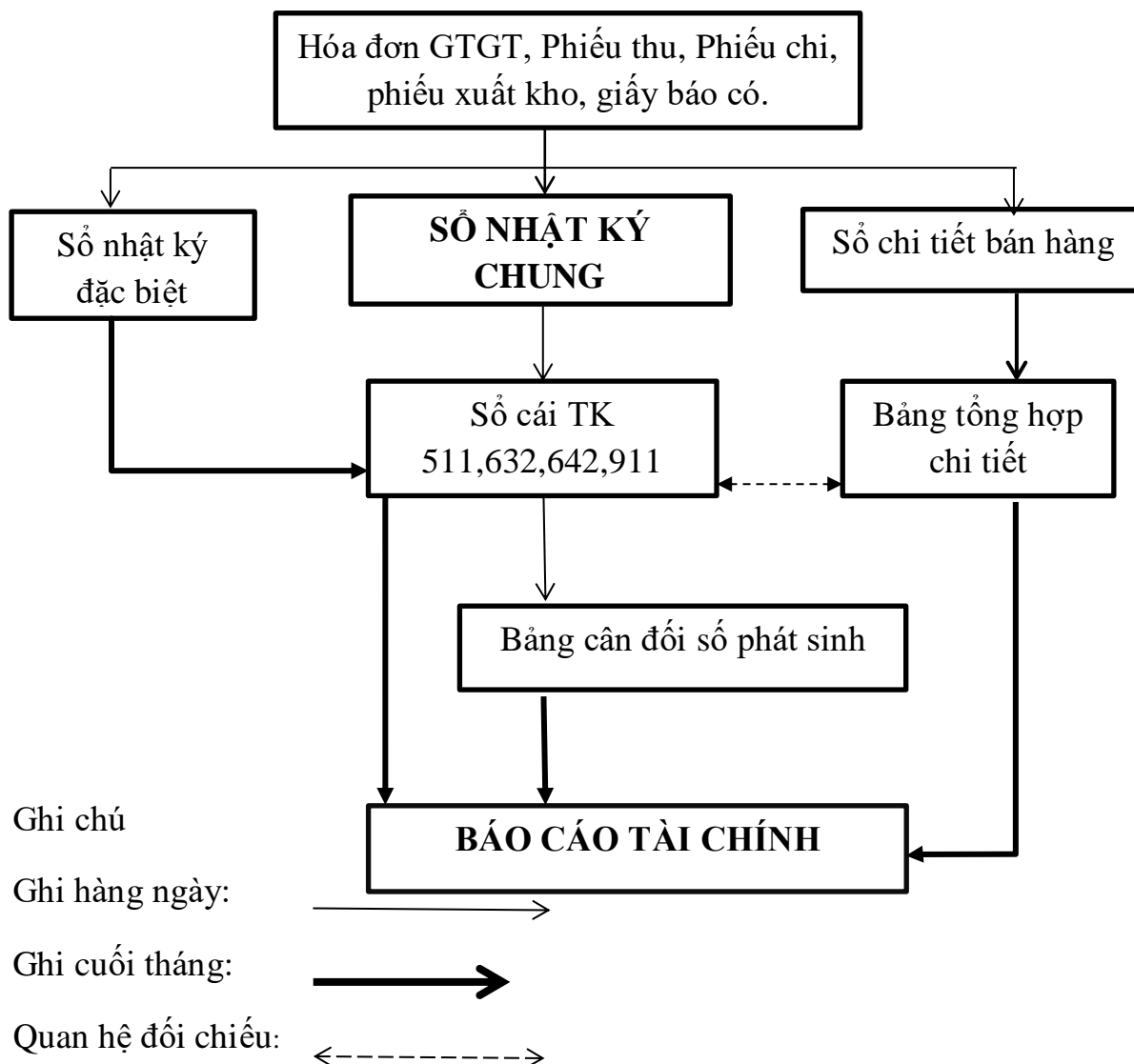
✓ **Nhược điểm**

- Lượng ghi chép nhiều

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.8 như sau :

Sơ đồ 1.11: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung.



1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

❖ Đặc điểm:

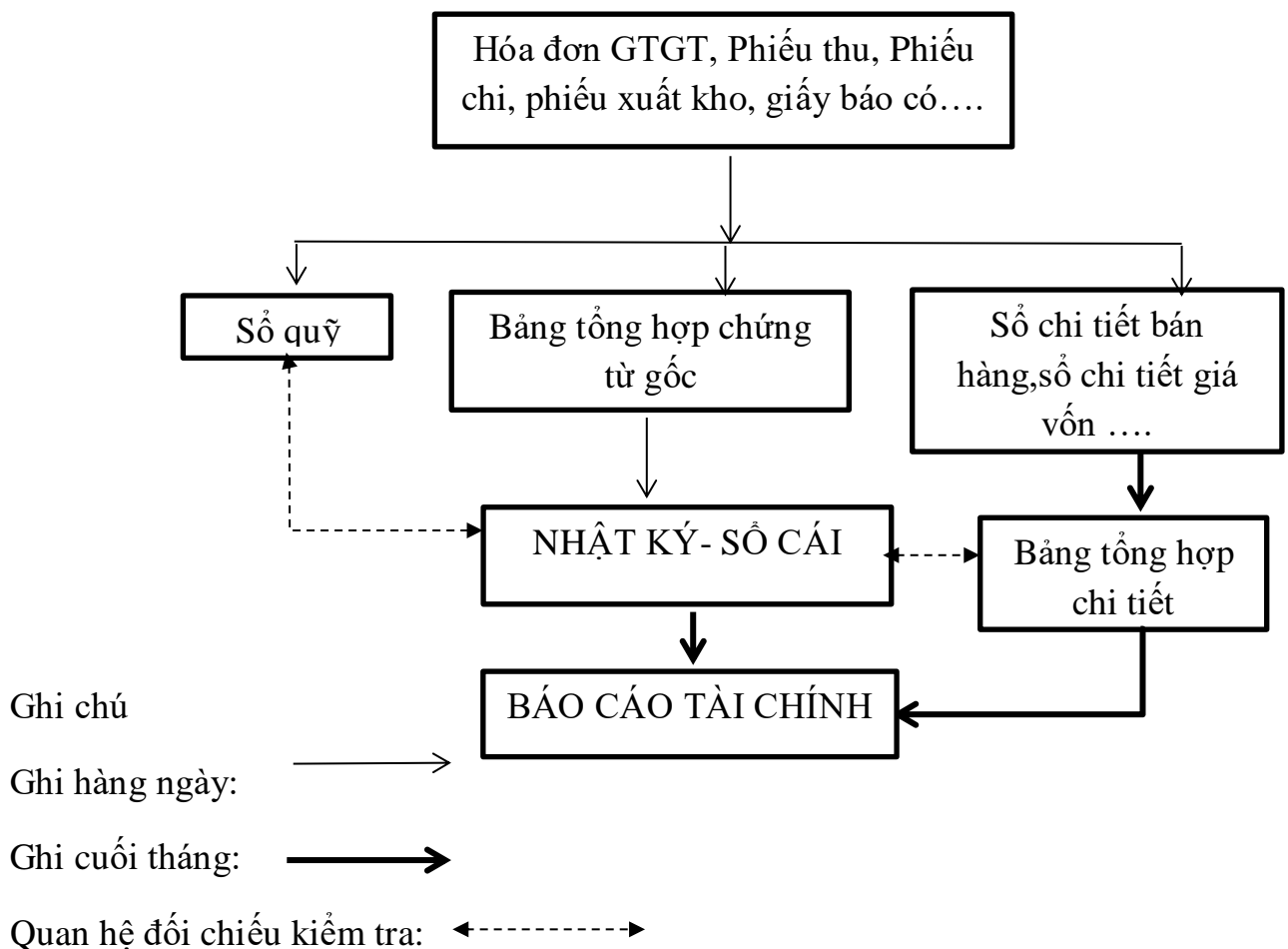
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- ✓ Ưu điểm
 - Số lượng ít
 - Mẫu số đơn giản, dễ ghi chép
 - Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ tổng hợp nhật ký sổ cái.
- ✓ Nhược điểm:
 - Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán(vì chỉ có duy nhất một sổ tổng hợp- Nhật ký sổ cái), khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn , phát sinh nhiều tài khoản.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu chi phí, xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký- sổ cái được thể hiện qua sơ đồ như sau:

Sơ đồ 1.12: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



1.4.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

✓ **Ưu điểm**

- Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

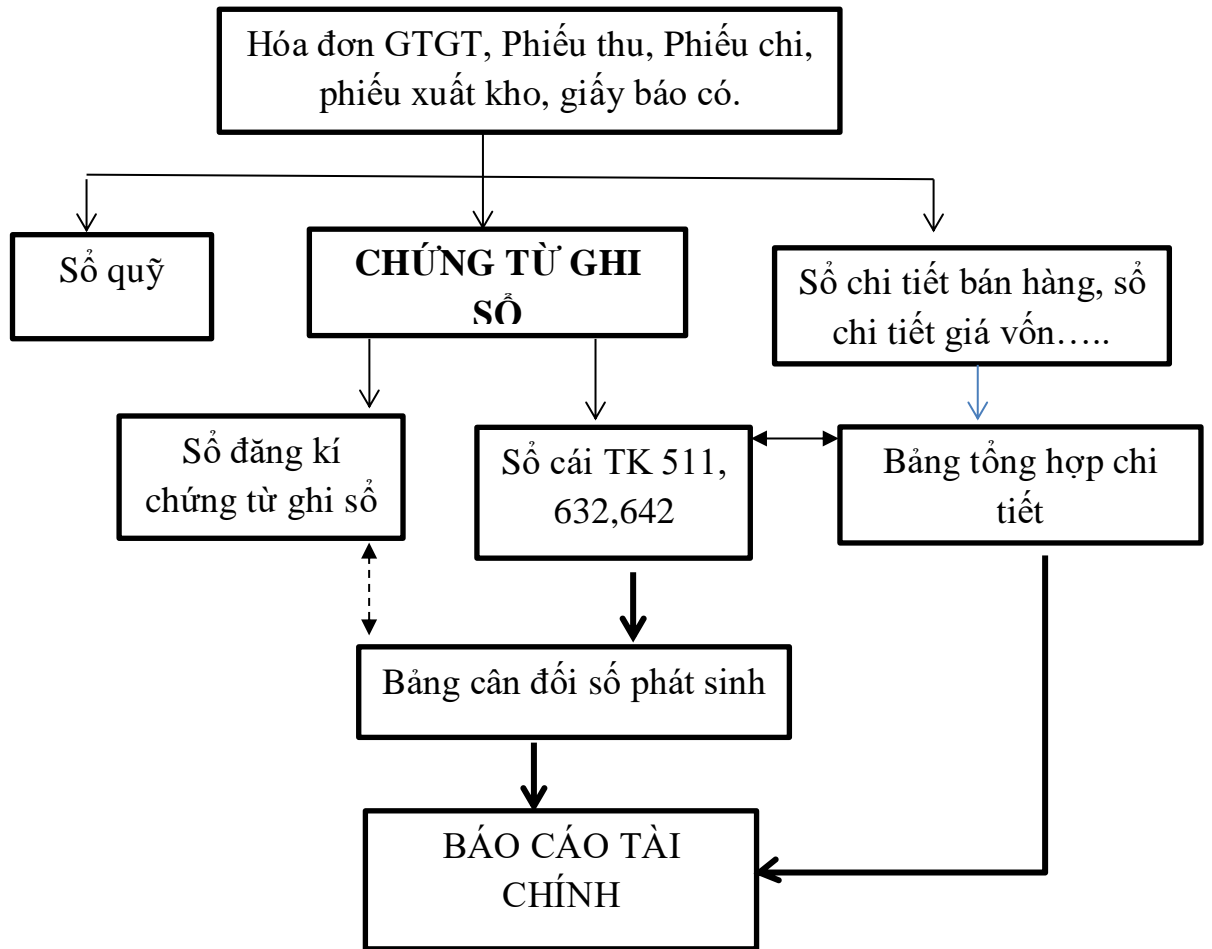
Nhược điểm:

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp
- Việc kiểm tra đối chiếu số lượng thường được thực hiện vào cuối tháng nên tốc độ cung cấp thông tin còn chậm.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ như sau:

Sơ đồ 1.13: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

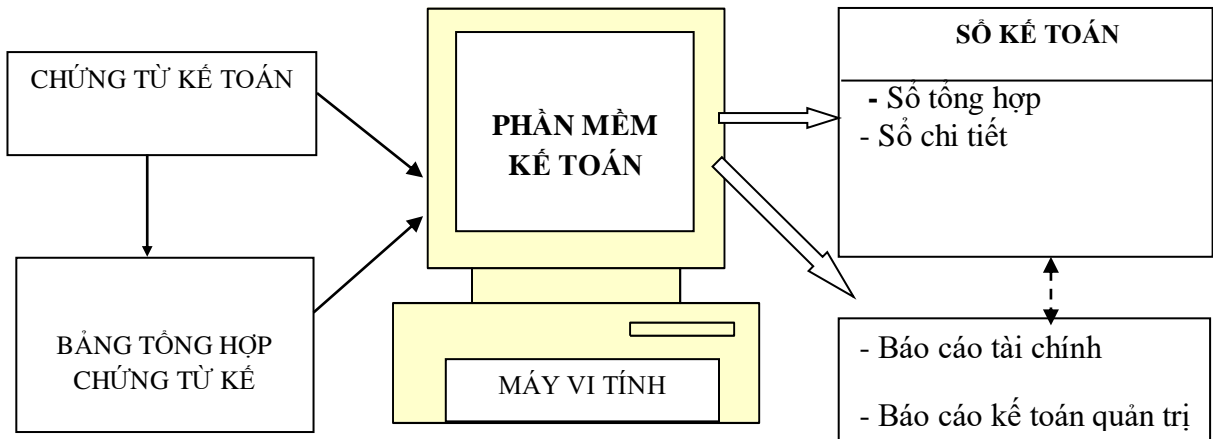
1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán,

nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.14 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.5 Những điểm mới Thông tư 133 so với Quyết định 48

So sánh Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 và Quyết định 48/2006/Đ-BTC ngày 14/09/2016

1.5.1 Giống nhau

Đều áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ có vốn điều lệ nhỏ hơn 10 tỷ và số lượng lao động bình quân trong năm nhỏ hơn 300 người.

1.5.2 Khác nhau

a, Về chứng từ và sổ kế toán

- Thông Tư 133: Doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán để đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành phù hợp với đặc thù hoạt động của DN miễn là đáp ứng được các yêu cầu của Luật kế toán.
- Quyết định 48: Doanh nghiệp được xây dựng chứng từ và sổ sách kế toán theo mẫu quy định trong QĐ 48.

b, Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản

➤ Thông Tư 133:

- **Chỉ quy định nguyên tắc kế toán**

Không hướng dẫn các bút toán định khoản, DN tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao BCTC đúng

- **Đồng tiền ghi sổ**

DN tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định

- **Doanh nghiệp nội bộ**

DN tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc vào chứng từ xuất ra

- **Vốn**

DN được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ DN là nợ phải trả hoặc vốn CSH

DN được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống

- Tài khoản kế toán

Chủ yếu quy định đến TK cấp 1, chỉ một số ít TK chi tiết đến cấp 2, mỗi TK phản ánh một nội dung chứ không có riêng TK ngắn hạn, dài hạn. DN được tự chi tiết và theo dõi ngắn hạn, dài hạn hoặc mở các TK chi tiết theo yêu cầu quản lí của mình

➤ Quyết định 48:

- **Quy định chi tiết các bút toán định khoản**
- **Ghi sổ theo đồng Việt Nam**
- **Doanh thu nội bộ**

Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là HĐ GTGT hoặc PXX kiêm vận chuyển nội bộ

Quy định rõ biểu mẫu BCTC DN phải áp dụng

- Tài khoản kế toán

Quy định chi tiết tài khoản cấp 1, cấp 2, ngắn hạn, dài hạn

CHƯƠNG 2:

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN TRUNG THỦY**

2.1 Khái quát chung về công ty Cổ Phần Trung Thủy

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Trung Thủy

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY
- Tên giao dịch: TRUNG THUY JS.CO
- Đại diện pháp luật: Lê Văn Thủy
- Văn phòng giao dịch : Số 27/739 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân – Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200605838
- Ngày cấp: 25/11/2004
- Ngày bắt đầu hoạt động: 14/03/2006
- Cơ quan thuế quản lý: Chi cục thuế quận Lê Chân
- Điện thoại: 0313856814
- Fax
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0200605838
- Ngành nghề chính : Xây dựng kỹ thuật công trình dân dụng khác
- Loại hình kinh tế : Công ty Cổ Phần ngoài quốc doanh (100% vốn tư nhân)
- Loại hình tổ chức : Tổ chức kinh tế sản xuất kinh doanh dịch vụ, hàng hóa

Công ty là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2004 với tên là Công Ty Cổ Phần Trung Thủy. Ngày 25/11/2004 Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy phép kinh doanh cho công ty chính thức đi vào hoạt động với hình thức là Công Ty Cổ Phần. Sau 12 năm xây dựng và phát triển, công ty đã không ngừng đẩy mạnh và phát huy lĩnh vực kinh doanh, đồng thời mở rộng thêm nhiều mảng kinh doanh sản xuất khác, tạo ra những bước đột phá để dần khẳng định tên tuổi vị thế của doanh nghiệp. Cho đến nay công ty Cổ Phần Trung Thủy đã và đang phục vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác cho nhiều khách hàng có chủ đầu tư là người Việt Nam và nước ngoài đầu tư tại

Việt Nam, các tập đoàn công ty lớn, các cá nhân có nhu cầu. Trong những năm tới mục tiêu của công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, kết hợp với việc kinh doanh các lĩnh vực khác nhằm thu lợi nhuận tối đa.

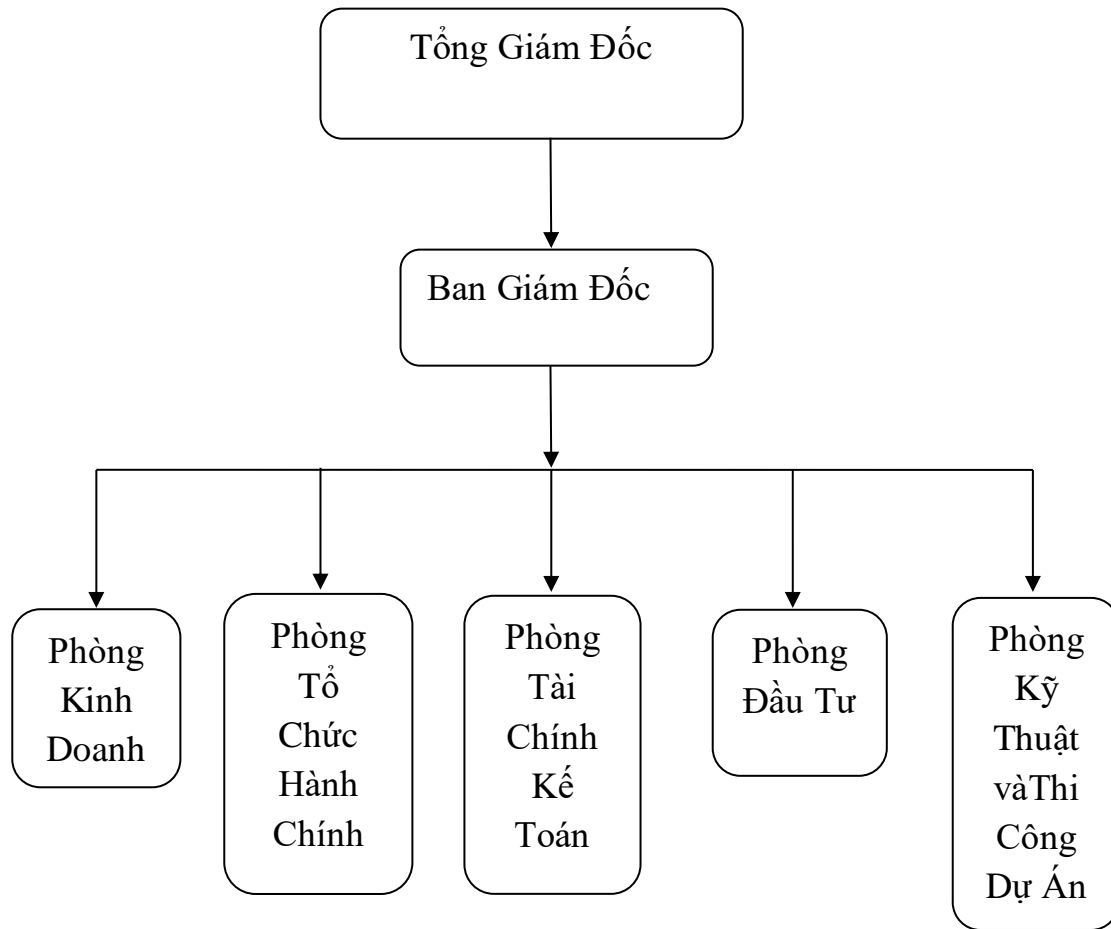
2.1.2 Lĩnh vực hoạt động của công ty Cổ Phần Trung Thủy

- ✓ **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác**
- ✓ **Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng**
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- ✓ Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ
- ✓ Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- ✓ Sản xuất đồ gỗ xây dựng
- ✓ Sản xuất bao bì bằng gỗ
- ✓ Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- ✓ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- ✓ Xây dựng nhà các loại
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- ✓ Xây dựng công trình công ích
- ✓ Phá dỡ
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng
- ✓ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- ✓ Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- ✓ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- ✓ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- ✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- ✓ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- ✓ Cung ứng và quản lý nguồn lao động
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

2.1.3 Hệ thống tổ chức của công ty Cổ Phần Trung Thủy

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty Cổ Phần Trung Thủy



- Cơ cấu tổ chức tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban

✓ **Tổng Giám Đốc** : Chịu kết quả, quyền hạn cao nhất đối với kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự kinh doanh.

Là người chịu trách nhiệm trước nhà nước và tập thể cán bộ công nhân viên công ty

✓ **Phó Tổng Giám Đốc** : Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc.

✓ **Ban Giám Đốc** : gồm 3 giám đốc điều hành 3 khu vực, Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Tổng Giám Đốc bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê.

✓ **Phòng Kinh Doanh** : chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ ban giám đốc, phụ trách kinh doanh-quan hệ khách hàng có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về sản xuất kinh doanh, điều hành công việc sản xuất kinh doanh, tổ chức, quản lý kho và các sản phẩm của công ty. Dự báo các vấn đề hàng hóa dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty.

✓ **Phòng Tổ Chức Hành Chính**: Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

- Kiểm tra , đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty

- Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty

✓ **Phòng Tài Chính Kế Toán**: có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính, Đồng thời còn tham mưu đặc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

✓ **Phòng Đầu Tư**: Có chức năng tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp cho Giám đốc trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành Công ty về các lĩnh vực: xây dựng kế hoạch sản xuất, đầu tư; kế hoạch tiền lương; chiến lược phát triển của công ty,...

✓ **Phòng Kỹ Thuật và Thi Công Dự Án** : - Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công của các dự án nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty;

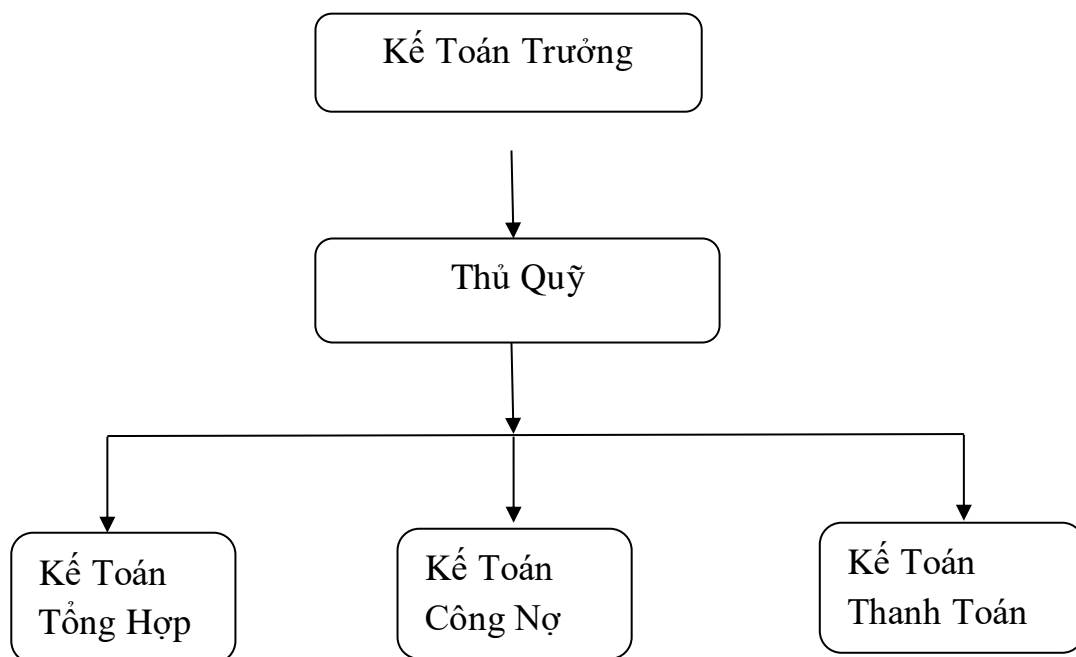
- Quản lý sử dụng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Tổ chức thi công, hỗ trợ kỹ thuật tại các công trình, các dự án của công ty
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn và định hướng phát triển các dự án.
- Các chức năng khác theo sự phân công của Ban giám đốc, tùy theo tình hình thực tế công việc.

2.2.4 Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức, chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty

- Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty

Công Ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây.

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty



Trong phòng Tài chính – Kế toán, mỗi cán bộ kế toán phụ trách theo dõi một vài tài khoản có liên quan tới phần hành của mình. Cuối tháng kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thành sản xuất của từng công trình xây dựng, hoạt động kinh doanh, xác định doanh thu...

✓ **Kế toán trưởng:** Là người chịu trách nhiệm phụ trách chung, thực hiện việc tổ chức toàn bộ công tác kế toán trong công ty theo chế độ hiện hành. Kế toán trưởng là người trực tiếp báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính kế toán của công ty lên giám đốc, chịu trách nhiệm trước công ty, cơ quan pháp luật về mọi thông tin của số liệu đã báo cáo; Tiến hành phân tích kinh tế, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

✓ **Thủ quỹ:** Có trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt kiêm báo cáo quỹ.

✓ **Kế toán tổng hợp:** Tổng hợp toàn bộ các phân hành kế toán khác nhau để hoàn thiện công tác kế toán đồng thời kiểm tra việc ghi chép ban đầu, việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ, lập báo cáo tài chính, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán.

✓ **Kế Toán Công Nợ:** theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo nên kế toán trưởng và giám đốc

✓ **Kế toán thanh toán:** Theo dõi các khoản phải thu, phải trả của khách hàng

2.2.4.1 Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

Công ty Cổ Phần Trung Thủy là doanh nghiệp có hệ thống kế toán độc lập, mô hình tổ chức tập trung.

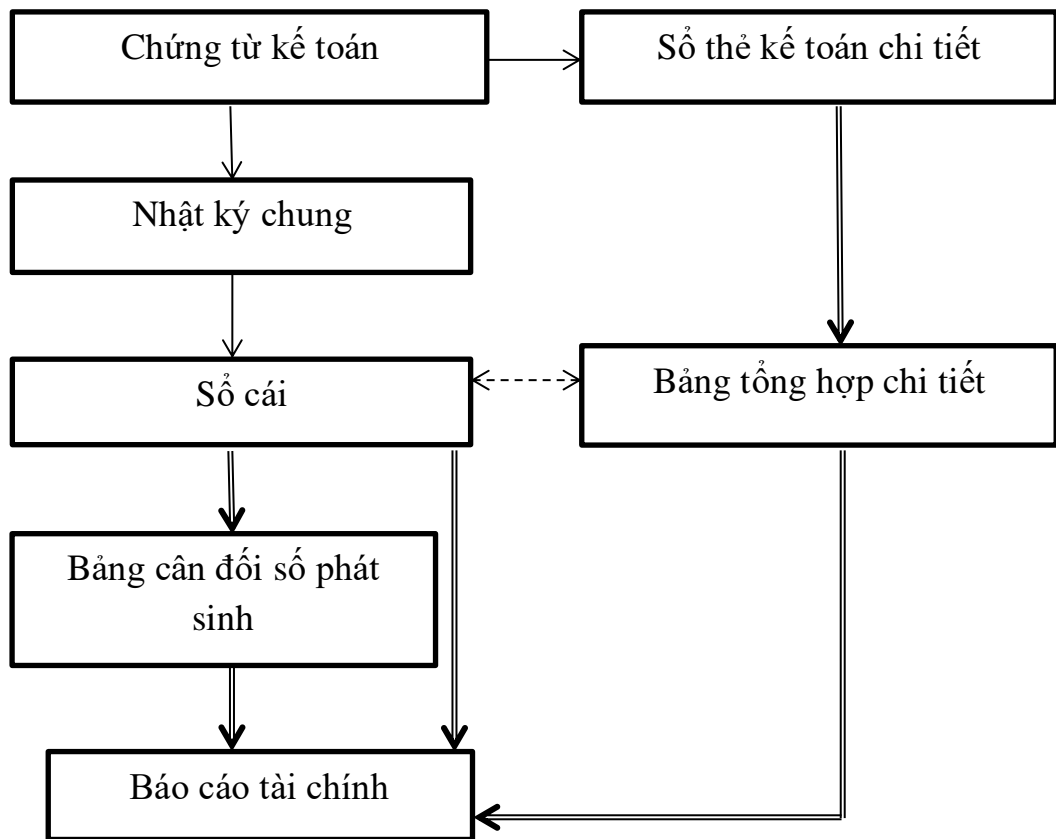
- Niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo
- Chế độ kế toán áp dụng 48/2006/QĐ-BTC
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (ĐVN)
- Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được tính theo nguyên giá, hao mòn lũy kế, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp áp dụng thuế: phương pháp khấu trừ.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Tổ chức hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản

Công ty tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng bộ tài chính.

2.2.4.2 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký chung để ghi sổ kế toán. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được mô tả qua sơ đồ sau:



Ghi chú

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: ===============>

kiểm tra đối chiếu: <----->

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

- Hàng này căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản phù hợp.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh, sau khi kiểm tra đối chiếu được dùng để lập báo cáo tài chính.
 - Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.

Báo cáo của công ty được lập theo mẫu quy định của bộ tài chính bao gồm:

- | | |
|--|---------------|
| ✓ Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01-DN |
| ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DN |
| ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DN |
| ✓ Thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DN |

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

a, Đặc điểm mặt hàng tiêu thụ

Doanh thu của công ty Cổ phần Trung Thủy là doanh thu từ việc cung cấp bán buôn các loại gỗ, các loại máy móc thiết bị - vật liệu dùng trong xây dựng, các loại thiết bị kỹ thuật phần mềm và kinh doanh bất động sản...

b, Phương thức bán hàng tại công ty Cổ phần Trung Thủy

☒ Các phương thức tiêu thụ tại công ty:

- bán buôn : cho các doanh nghiệp, tổ chức, các đơn vị ...
- Bán lẻ: cho các cửa hàng lẻ, cửa hàng tư nhân...

☒ Các phương thức thanh toán tại công ty: Nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm đồng thời để phù hợp với khả năng thanh toán của từng đối tượng, công ty đa dạng hóa các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng.

Các phương thức thanh toán chủ yếu là:

- + Bán hàng thu tiền ngay, trực tiếp bằng tiền mặt: hình thức thanh toán này áp dụng đối với khách hàng mua lẻ hoặc có nhu cầu thanh toán ngay.
- + Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi khách hàng nhận được hàng hóa thì trong

khoảng thời gian quy định, khách hàng thanh toán tiền cho công ty. Phương thức này được sử dụng trong cả bán buôn và bán lẻ.

+ Bán chịu: áp dụng với khách hàng có quan hệ thường xuyên, có độ tin cậy với công ty hoặc mau hàng với số lượng lớn. khách hàng nhận được hàng chưa trả tiền hoặc trả một phần tiền và ghi nợ với công ty.

c, Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu bán hàng của công ty, kế toán sử dụng TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Song song với việc phản ánh doanh thu kế toán còn phải theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng , công ty còn phải sử dụng một số TK liên quan:

- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

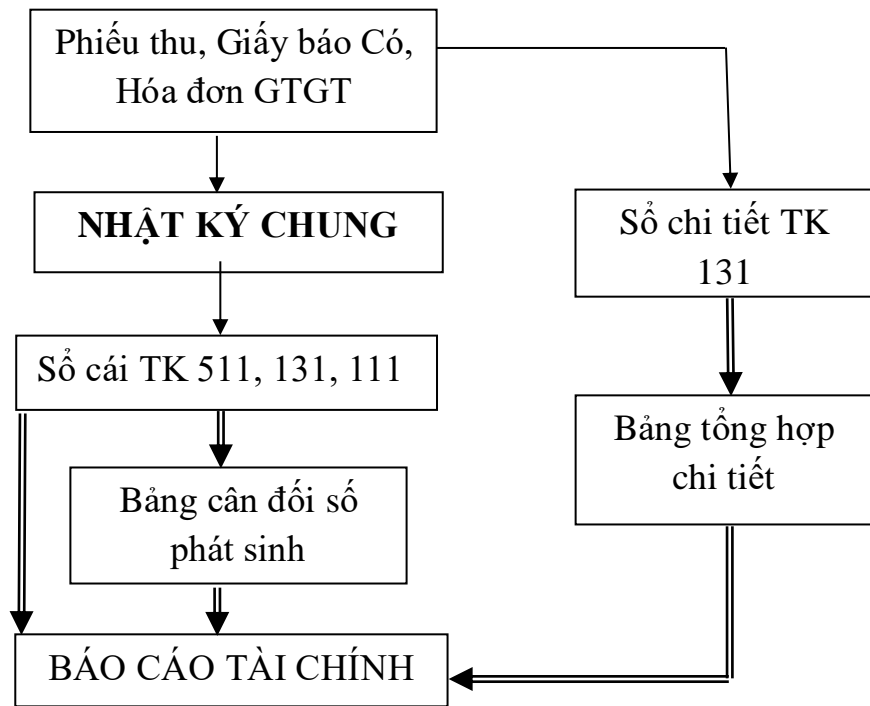
d, Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT(Mẫu số 01-GTKT3/001)

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ

❖ Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

Định kỳ cuối tháng kế toán cộng số liệu trên sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.1: Ngày 10/12/2016 Công ty bán 20.000 m² gạch đá cẩm thạch cho công ty TNHH Quảng Thịnh chưa thanh toán, theo hóa đơn 0000130 với giá 92.500đ/m² thuế GTGT 10%

Kế toán phản ánh doanh thu:	Nợ TK 131:	2.035.000.000
	Có TK 511:	1.850.000.000
	Có TK 3331:	185.000.000

Ngày 10/12 kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000130 (Biểu số 2.1) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng. Công ty Cổ Phần Trung Thủy tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.2). vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.5).

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000130

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTGT-3/001			
GTGT		Kí hiệu: AA/15P			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Số HD: 0000130			
LIÊN 3: NỘI BỘ					
NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2016					
Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần Trung Thủy					
Mã số thuế: 0200605838					
Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm quận Lê Chân – Hải Phòng.					
Số Tk: 19502540468					
Điện thoại : 0313759472					
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Quảng Thịnh					
Mã số thuế: 0201043042					
Địa chỉ: 36 Tôn Đức Thắng, Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, Hải Phòng					
Điện thoại: 0313976663					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	gạch đá cẩm thạch	m ²	20.000	92.500	1.850.000.000
Cộng tiền hàng:					1.850.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		185.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					<u>2.035.000.000</u>
Số tiền viết bằng chữ: Hai tỉ không trăm ba mươi lăm triệu đồng					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Ví dụ 2.2: Ngày 15/12/2016 bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional chưa thuế 18.000.000 đồng, thuế GTGT 10% thu bằng tiền mặt. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 111 :	19.800.000
Có TK 511:	18.000.000
Có TK 3331 :	1.800.000

Ngày 15/12 kế toán lập hóa đơn GTGT số **0000135** (Biểu số 2.3) giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng và lập phiếu thu 010/12 (Biểu số 2.4) Từ hóa đơn GTGT số 0000135, Phiếu thu 010/12 kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung(biểu số 2.5). Từ số liệu nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511(biểu số 2.5).

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000135

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTGT-3/001			
GTGT		Kí hiệu: AA/15P			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		SỐ HD: 0000135			
LIÊN 3: NỘI BỘ					
NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2016					
Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần Trung Thủy					
Mã số thuế: 0200605838.					
Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm quận Lê Chân – Hải Phòng.					
Số Tk: 19502540468					
Điện thoại : 0313759472					
Họ tên người mua hàng: Công Ty TNHH Phong Châu Container					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: 87 Đường Vòng Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 6260 806					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional	cái	1	18.000.000	18.000.000
 					
 					
 					
 					
Cộng tiền hàng:					18.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					<u>19.800.000</u>
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.3: Phiếu thu số 10/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy Đ/C:27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm quận Lê Chân – Hải Phòng.		Mẫu số 01-TT		
Ban hành theo quyết định 48/2006 QĐ-BTC Ngày 14/09 của Bộ trưởng Bộ Tài chính				
PHIẾU THU		số:010/12		
Ngày: 15/12/2016				
		Nợ TK 111:19.800.000		
		Có TK 511:18.000.000		
		Có TK 111: 1.800.000		
Họ tên người nộp: Trần Anh Quân Địa chỉ: : 87 Đường Vòng Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng Nội dung: Thanh toán tiền mua Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional Số tiền: 19.800.000 Bằng chữ: Mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn Kèm theo:01.....Chứng từ gốc				
Ngày 15 tháng 12 năm 2016				
Giám đốc (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký , họ tên)	Kế toán (ký , họ tên)	Người nộp (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý) số tiền quy đổi.....VNĐ...				

Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung (trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số: S03b- DN

27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm
quận Lê Chân – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: /2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	SH	CT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	Số phát sinh quý 4	
...
10/12	10/12	HĐ130	bán 20.000 m² gạch đá cẩm thạch	131 511 3331	2.035.000.000	1.850.000.000 185.000.000
10/12	10/12	PX14 /12	Gía vốn hàng bán	632 156	862.840.000	862.840.000
..	
15/12	15/12	PT10/12	Bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional	111 511 3331	19.800.000	18.000.000 1.800.000
15/12	15/12	PX 19 /12	Gía vốn hàng bán	632 156	13.668.280	13.668.280
...
			Cộng số phát sinh cả năm		92.081.673.241	92.081.673.241

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.5 Sổ cái TK 511 (Trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số: S03b- DN

27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm
quận Lê Chân – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: /2006/QĐ–BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: doanh thu bán hàng

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		...	Phát sinh quý 4	
10/12	HĐ 130	10/12	bán bán 20.000 m ² gạch đá cẩm thạch	131		1.850.000.000
		
15/12	HĐ 135	15/12	Bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional	111		18.000.000
			
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển doanh thu năm 2016	911	10.656.309.101	
			Cộng số phát sinh cả năm		10.656.309.101	10.656.309.101

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại công ty Cổ Phần Trung Thủy là trị giá vốn hàng hóa xuất bán, công ty áp dụng theo phương pháp tính giá trị thực tế xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh, theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính, đây là phương án tốt nhất tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế, giá trị hàng hóa xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

☞ Chứng từ sử dụng

-Phiếu xuất kho, bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn hàng hóa

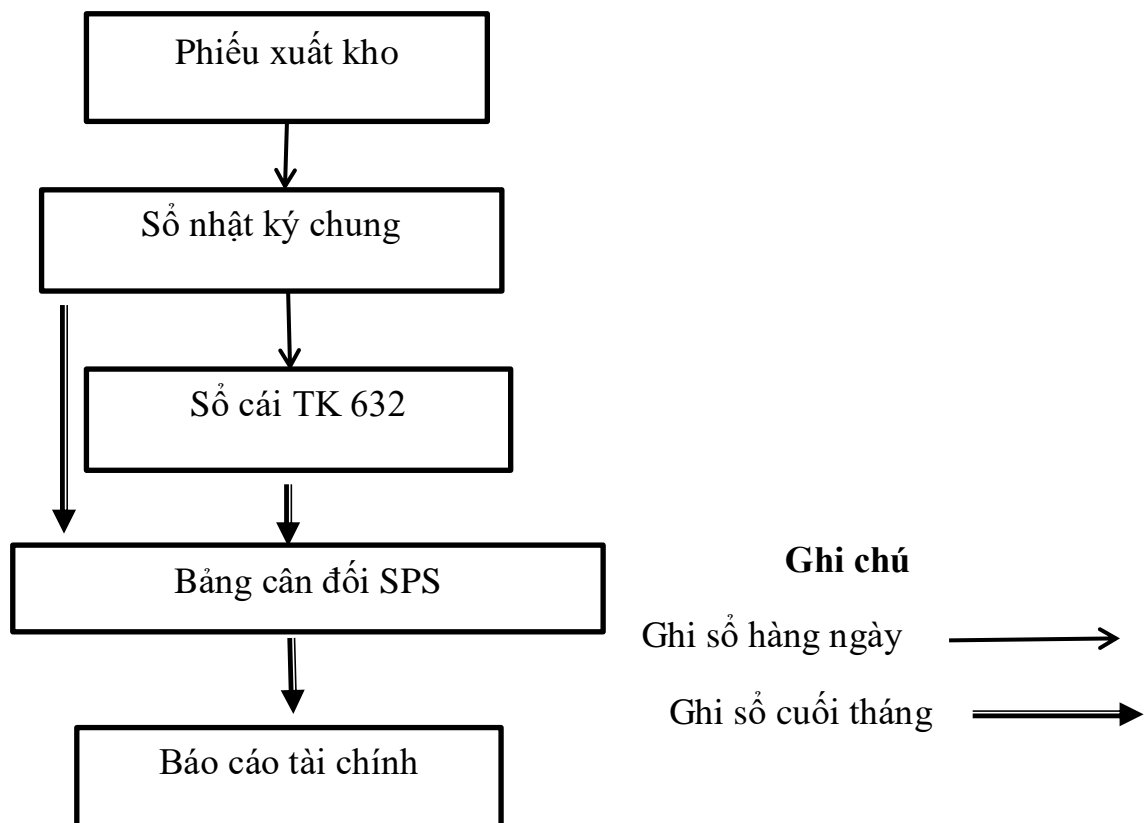
-Các chứng từ khác liên quan

☞ Tài khoản sử dụng

TK 632 “giá vốn hàng bán”

TK 156 “ giá vốn hàng bán”

☞ Quy trình hạch toán giá vốn được thể hiện qua sơ đồ 2.5



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

Ví dụ 2.3: Ngày 10/12/2016 Công ty bán 20.000 m² gạch đá cẩm thạch cho công ty TNHH Quảng Thịnh chưa thanh toán, theo hóa đơn 0000130 với giá 92.500đ/m² thuế GTGT 10%, giá vốn 862.840.000 đồng.

Cách xác định giá vốn: Ngày 2/9 nhập gạch cẩm thạch giá 862.840.000 đồng nên đơn giá xuất kho ngày 10/12 là 862.840.000

Kế toán phản ánh giá vốn : Nợ TK 632: 862.840.000

Có TK 156: 862.840.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 014 /12(biểu số 2.6) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8) Từ số liệu trên vào Sổ cái TK 632(Biểu 2.9).

Biểu 2.6: Phiếu xuất kho 014/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số :02-VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Nợ TK: 632

số :014/12

Có TK: 156

Họ tên người nhận: Lê Minh Tuấn

Địa chỉ :Phòng Kinh doanh

Hóa đơn người bán số: 0000130

Ngày:10/12/2016

Xuất kho tại: Kho 01

Mã VT	Tên quy cách VT	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
GCT	gạch đá cẩm thạch	m ²	20.000	43.142	862.840.000
Cộng hóa đơn			20.000		862.840.000

Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng chẵn

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Người nhận
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Ví dụ minh họa 2.4: Ngày 15/12/2016 bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional chưa thuê 18.000.000 đồng, thuế GTGT 10% thu bằng tiền mặt. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 632: 13.668.280

Có TK 156: 13.668.280

Căn cứ vào phiếu xuất kho 019 (Biểu 2.7) kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.8) Từ số liệu trên vào Sổ cái TK 632(Biểu 2.9).

Biểu 2.7: Phiếu xuất kho 019/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số :02-VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

số :019/12

Họ tên Người nhận: Lê Minh Tuấn

Nợ TK: 632

Địa chỉ :Phòng kinh doanh

Hóa đơn người bán số: 0000135

Ngày:15/12/2016

Có TK: 156

Xuất tại kho : Kho 01

Mã VT	Tên quy cách VT	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
MKB	Máy khoan búa GBH 8-45 DV	chiếc	01	13.668.280	13.668.280
Cộng hóa đơn			01		13.668.280

Bằng chữ: Mười năm triệu đồng chẵn

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người nhận
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.8: Sổ nhật ký chung (trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số: S03-DNN

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/09/2006)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	SH	CT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			số phát sinh quý 4	
10/12	10/12	HĐ130	bán 20.000 m ² gạch đá cẩm thạch	131 511 3331	2.035.000.000	1.850.000.000 185.000.000
10/12	10/12	PX 014 /12	Gía vốn hàng bán	632 156	862.840.000	862.840.000
..	
15/12	15/12	PT10/12	Bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professiona l	111 511 3331	19.800.000	18.000.000 1.800.000
15/12	15/12	PX 019 /12	Gía vốn hàng bán	632 156	13.668.280	13.668.280
...
			Cộng số phát sinh cả năm		92.081.673.241	92.081.673.241

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Trung Thủy

Biểu 2.9: Sổ cái TK 632 (Trích)

**Công Ty Cổ
Phần Trung Thủy
27/739 Nguyễn Văn Linh phường
Vinh Niệm quận Lê Chân – Hải
Phòng**

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ –
BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 12/2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

số hiệu: 632

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ 1	Có 2
A	B	C	D	E	1	2
		...	Phát sinh quý 4	
10/12	PX 014/12	10/12	bán 20.000 m ² gạch đá cẩm thạch	156	862.840.000	
		
15/12	PX 019/12	15/12	Bán Máy khoan búa GBH 8-45 DV Professional	156	13.668.280	
			
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển giá vốn năm 2016	911		10.281.422.657
			Cộng số phát sinh cả năm		10.281.422.657	10.281.422.657

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, chi phí bảo quản, kho bãi, chi phí vận chuyển, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài....

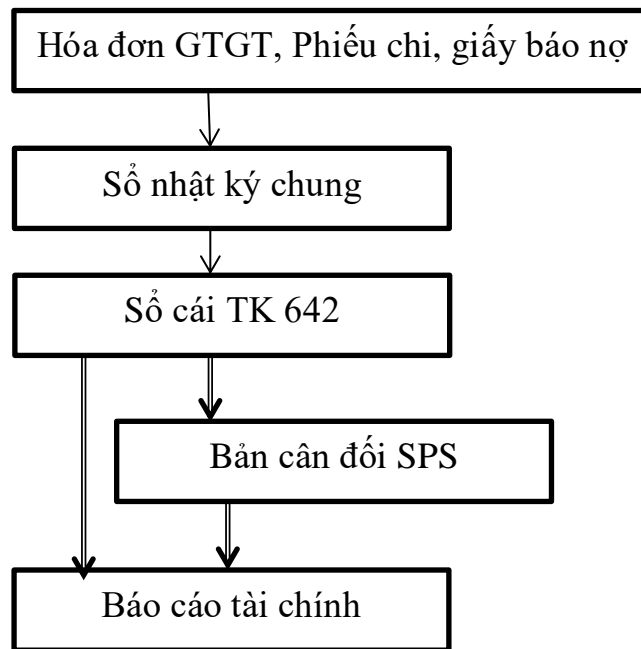
☞ Các chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng Phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

☞ Tài khoản sử dụng

TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”

☞ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối năm: =====>

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của công ty Cổ Phần Trung Thủy

Ví dụ 2.5: Ngày 05/12/2016 thanh toán tiền điện thoại tháng 11, tổng số tiền thanh toán là 3.925.108 (thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản:


Nợ TK 642: 3.568.280

Nợ TK 133: 356.828

Có TK 111: 3.925.108

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000156 (Biểu số 2.10) Phiếu chi 05/10 (Biểu số 2.11), kế toán phản ánh bút toán ghi Nợ 642 vào sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.12) và từ đó ghi sổ Cái TK 642 (Biểu 2.13).

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 000156

		<p>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)</p>		<p>Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AA/15P Số (No):000156 16092612112014</p>	
<p>Mã số thuế: 0200287977-022 Viễn thông(Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Tên khách hàng (Customer's name): Công Ty Cổ Phần Trung Thủy Địa chỉ (Address): 27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm quận Lê Chân – Hải Phòng Số điện thoại (Tel): 0313856814</p>					
<p>Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): TM/CK</p>				<p>MST: 0200605838</p>	
STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6
	<p>Kỳ cước tháng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ 				<p>3.568.280</p> <p>0</p> <p>0</p> <p>0</p>
<p>(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):</p>					<p>3.568.280</p>
<p>Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):</p>					<p>356.828</p>
<p>(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):</p>					<p>3.925.108</p>

Số tiền viết bằng chữ :Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn một trăm linh tám đồng

Ngày 5 tháng 12 năm 2016

Người nộp tiền

Nhân viên giao dịch

Biểu 2.11: Phiếu chi số 05/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy Đ/C: 27/739 Nguyễn Văn Linh P.Vĩnh Niệm Q.Lê Chân TP.Hải Phòng		Mẫu số 02-TT		
		Ban hành theo quyết định 48/2006 QĐ-BTC Ngày 14/09 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
PHIẾU CHI Ngày: 05/12/2016		số:05/12		
		Nợ TK 642: 3.568.280		
		Nợ TK 133: 356.828		
		Có TK 111: 3.925.108		
Họ tên người nhận tiền : Lê Gia Bảo Địa chỉ: Phòng kế toán Nội dung: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11 Số tiền: 3.925.108 Bằng chữ: Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn một trăm linh tám đồng Kèm theo:01.....Chứng từ gốc				
Ngày 5 tháng 12 năm 2016				
Giám đốc (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký , họ tên)	Kế toán (ký , họ tên)	Người nhận (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý) số tiền quy đổi.....VNĐ...				

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung (Trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số: S03-DNN

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/09/2006

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4	
	
05/12	PC05/12	05/12	Thanh toán tiền điện thoại	642 133 111	3.568.280 356.828	3.925.108
09/12	PTT9/12	09/12	KH thanh toán	112 131	110.000.000	110.000.000
09/12	PC9/12	09/12	Nộp tiền vào TK	112 111	150.000.000	150.000.000
10/12	PC 10/12	10/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	250.000 25.000	275.000
...
			Cộng số phát sinh cả năm		92.081.673.241	92.081.673.241

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Trung Thủy

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 642

Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Trung Thủy
 Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh phường
 Vĩnh Niệm quận Lê Chân – Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ –BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm: 2016
Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
số hiệu: 642

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		...	Phát sinh quý 4	
		
05/12	PC05/12	05/12	Thanh toán tiền điện thoại T11	111	3.568.280	
			
10/12	PC10/12	10/12	Chi phí mua văn phòng phẩm	111	250.000	

31/12	PKT 14/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2016			316.288.613
			Cộng số phát sinh cả năm		316.288.613	316.288.613

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu của công ty chủ yếu từ lãi tiền gửi từ ngân hàng.

- Chi phí hoạt động tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi vay

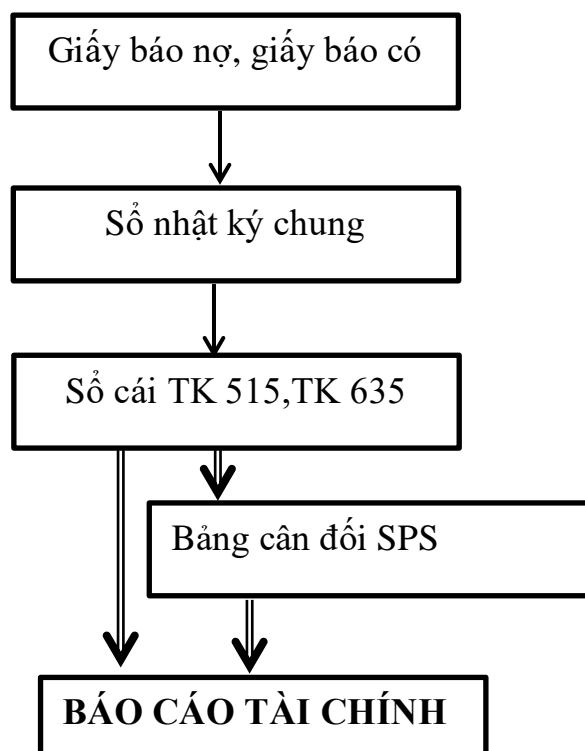
➤ *Chứng từ kế toán sử dụng*

- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ *Tài khoản sử dụng*

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính

➤ *Quy trình hạch toán*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối năm : =====>

Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính


Ví dụ 2.6: Ngày 26/12 Ngân hàng SHB chi nhánh Hải phòng trả lãi tiền gửi số tiền 2.400 đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 2.400

Có TK 515: 2.400

Từ GBC ngày 26/12 (**Biểu số 2.14**) Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**) Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.17**).

 Solid partners, flexible solutions	GIẤY BÁO CÓ Ngày 26/12/2016	Mã GDV LÊ ANH TÚ
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI		Mã KH 14523
Số GD : 15 Trần phú –Ngô Quyền- Hải Phòng		
Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Trung Thủy		
Mã số thuế : 0200605838		
Hôm nay chúng tôi xin thông báo ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:		
Số TK ghi có : 2145879253		
Số tiền bằng số : 2.400		
Số tiền bằng chữ: Hai nghìn bốn trăm đồng		
Nội dung: Lãi nhập vốn		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 2.14: GBC ngày 26/12/2016 của ngân hàng SHB chi nhánh Ngô Quyền- Hải Phòng


Ví dụ 2.7: Ngày 27/12 Công ty trả tiền lãi vay ngân hàng SHB chi nhánh Hải Phòng số tiền 2.158.343

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 2.158.343

Có TK 112:2 .158.343

Từ GBN ngày 27/12 (Biểu số 2.15) Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.16) từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 635 (Biểu số 2.18).

 Solid partners, flexible solutions	GIẤY BÁO NỢ Ngày 27/12/2016	Mã GDV LÊ VŨ HÀ
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI		Mã KH 14523
Số GD : 15 Trần phú –Ngô Quyền- Hải Phòng		
Kính gửi: Công ty Cổ phần Trung Thuỷ		
Mã số thuế :0200605838		
Hôm nay chúng tôi xin thông báo ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:		
Số TK ghi nợ : 2145879253		
Số tiền bằng số : 2.158.343		
Số tiền bằng chữ: Hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng		
Nội dung: Tiền lãi vay tháng 12 của hợp đồng vay số 2315		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 2.15: GBN 27/12 của ngân hàng SHB về lãi tiền vay

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 515(Trích)

Biểu số 2.16: Sổ nhật ký chung (Trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy
27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh
Niệm
Q.Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số: S03-DNN
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC)
Ngày 14/09/2006)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

NTG S	Chứng từ		Diễn giải D	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH B	NT C			Nợ 1	Có 2
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4	
	
26/12	GBC 26/12	26/12	nhập lãi tiền gửi	112 515	2.400	2.400
...
26/12	HĐ 000130 1	26/12	Mua dầu máy	156 133 331	133.461.327 13.346.133	146.782.460
27/12	GBN 27/12	27/12	Trả lãi vay ngân hàng	635 112	2.158.343	2.158.343
...
			Cộng số phát sinh		92.081.673.241	92.081.673.241

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Trung Thủy

SỔ CÁI

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
số hiệu: 515

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		...	Phát sinh quý 4	
...
26/10	GBN 26/10	26/10	Lãi tiền gửi tháng 10	112		25.354
26/11	GBN 26/11	26/11	Lãi tiền gửi tháng 11	112		54.000
26/12	GBN 26/12	26/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		2.400
31/12	PKT 14/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	166.223	
			Cộng số phát sinh cả năm		166.223	166.223

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 635(Trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy
27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm
Q.Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ –
 BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm: 2016
Tên tài khoản: Chi phí tài chính
số hiệu: 635

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
	
...
26/10	GBN 26/10	26/10	Trả lãi tiền vay tháng 10	112	2.130.000	
26/11	GBN 26/11	26/11	Trả lãi tiền vay tháng 11	112	2.130.000	
27/12	GBN 27/12	27/12	Trả lãi tiền vay tháng 12	112	2.158.343	
31/12	PKT 14/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		26.371.476
			Cộng số phát sinh cả năm		26.371.476	26.371.476

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

2.2.5. Trong năm 2016 công ty Cổ Phần Trung Thủy không phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ *Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh*

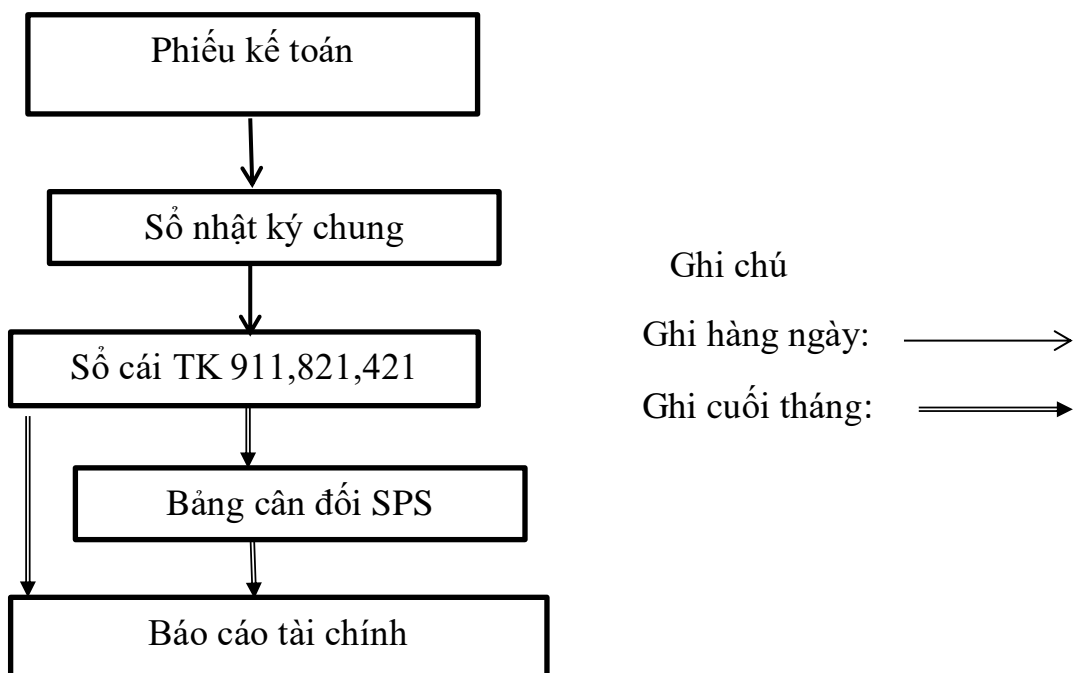
Cuối kỳ, kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi.

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển tài khoản liên quan trên phiếu kế toán. Căn cứ vào các phiếu kế toán để lập sổ chi tiết xác định kết quả kinh doanh của công ty.

➤ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan
 - *Tài khoản sử dụng*
 - TK 911- Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

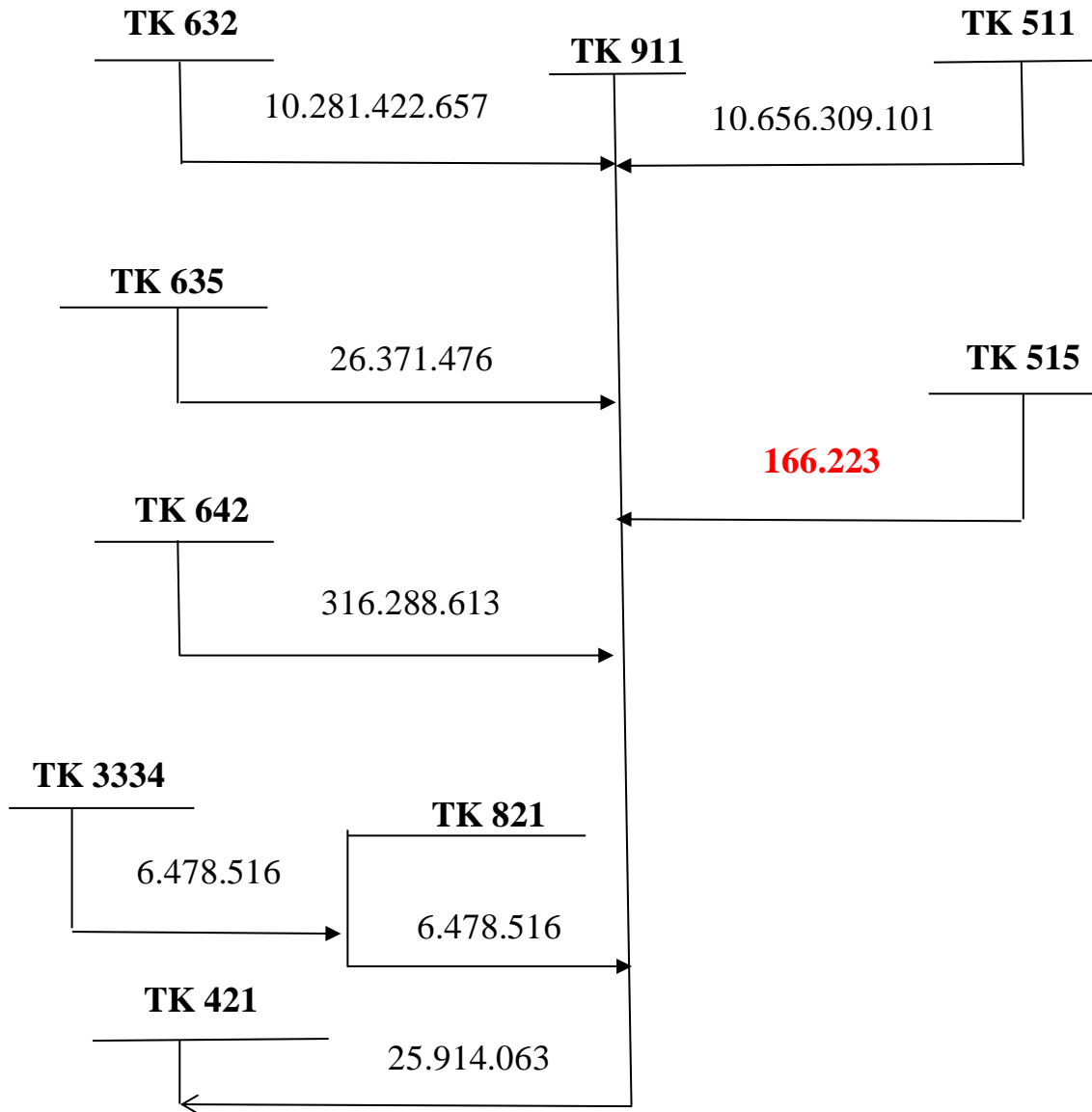
➤ *Quy trình hạch toán*



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh

- Ví dụ minh họa

Ngày 31/12 công ty Cổ Phần Trung Thủy tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí năm 2016

Cuối kỳ kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu số 11 đến 19 (Biểu số 2.19 đến 2.25). Căn cứ phiếu kế toán trên, kế toán ghi chép vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung ghi vào các sổ cái của Tài khoản có liên quan.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

số 11/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	166.223
	Cộng		166.223

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán 11/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

số 12/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	10.656.309.101
	Cộng		10.656.309.101

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán 12/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

số 13/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá vốn	911	632	10.281.422.657
	Cộng		10.281.422.657

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán 13/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

số 14/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	26.371.476
Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	316.288.613
	Cộng		342.660.089

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán 14/12

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

số 15/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Xác định thuế TNDN năm 2016	821	3334	6.478.516
	Cộng		6.478.516

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán 15/12

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

số 16/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	6.478.516
	Cộng		6.478.516

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán 16/12

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

số 17/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển lãi năm 2016	911	421	25.914.063
	Cộng		25.914.063

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán 17/12

Biểu 2.26: Nhật Ký Chung (Trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/09/2006)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Phát sinh quý 4			
	
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515 911	166.223	166.223
31/12	PKT 12/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511 911	10.656.309.101	10.656.309.101
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	10.281.422.657	10.281.422.657
			Kết chuyển chi phí tài chính	911 635	26.371.476	26.371.476
31/12	PKT 14/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911 642	316.288.613	316.288.613
31/12	PKT 15/12	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	821 3334	6.478.516	6.478.516
31/12	PKT 16/12	31/12	kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	6.478.516	6.478.516
31/12	PKT 17/12	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	25.914.063	25.914.063
			Cộng số phát sinh		92.081.673.241	92.081.673.241

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ Phần Trung Thủy

Biểu 2.27: Sổ cái TK 911 (Trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/09/2006)

SỔ CÁI

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		...	Phát sinh trong kỳ	
...
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		166.223
31/12	PKT 12/12	31/12	KC doanh thu hàng bán	511		10.656.309.101
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển giá vốn HB	6321	10.281.422.657	
31/12	PKT 14/12	31/12	Kết chuyển CPTC	635	26.371.476	
			Kết chuyển CPQLDN	642	316.288.613	
31/12	PKT 16/12	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	6.478.516	
31/12	PKT 17/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	25.914.063	
			Cộng số phát sinh cả năm		10.656.475.325	10.656.475.325

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Sổ cái TK 821(Trích)

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/09/2006)

SỔ CÁI
TK 821: Chi phí thuế TNDN
Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		...	Phát sinh trong kỳ	
31/12	PKT 15/12	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	6.478.516	
31/12	PKT 16/12	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	911		6.478.516
			Cộng số phát sinh cả năm		6.478.516	6.478.516

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
	(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		IV.08	10.656.309.101	1.463.636.364
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			0	0
3	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ			10.656.309.101	1.463.636.364
4	Giá vốn hàng bán			10.281.422.657	1.452.727.27
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			374.866.444	10.909.091
6	Doanh thu hoạt động tài chính			166.223	22.834
7	Chi phí tài chính			26.371.476	0
8	Trong đó : Chi phí lãi vay			26.371.476	0
9	Chi phí quản lý kinh doanh			316.288.613	39.905.900
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			32.392.578	-28.973.975
11	Thu nhập khác			0	40.596.400
12	Chi phí khác			0	0
13	Lợi nhuận khác			0	40.596.400
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		IV.09	32.392.578	11.622.425
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			6.478.515	2.324.485
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			25.914.063	9.297.940

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu
(kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG THỦY**3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy****3.1.1 Ưu điểm***3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán thực hiện một cách hiệu quả. Trong Công ty có sự phân chia công việc và phối hợp nhịp nhàng, khả năng của đội ngũ chuyên môn được khai thác triệt để, các nhân viên trong phòng kế toán được bố trí công tác phù hợp với trình độ và khả năng của từng người. Hệ thống kế toán của Công ty đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.1.2 Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung- là một phương pháp đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng rất phù hợp đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

3.1.1.3 Về công tác kế toán bán hàng

- Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán ghi nhận doanh thu kịp thời và chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn, đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty.

- Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí để đưa ra được các chính sách tiết kiệm chi phí .

- Công tác tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm của mình thì công tác kế toán của Công ty Cổ Phần Trung Thủy vẫn còn bộc lộ một số hạn chế.

3.1.2 Hạn chế

- Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Hiện nay có một số khoản nợ quá hạn nhưng vẫn chưa lập dự phòng, vì vậy khi có trường hợp khách hàng trốn nợ thì doanh nghiệp ko có khả năng đòi được dẫn tới ảnh hưởng tới tài chính của công ty.
- Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế trên nhưng chỉ mới dừng lại ở việc sử dụng trên Word và Excel. Trong đó hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng nên áp dụng công nghệ vào hạch toán nhằm giúp nhà quản lý đạt hiệu quả trong công việc.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

3.2.1 Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ

Tùy vào từng thời điểm trong kỳ kế toán mà các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít, dựa vào điều này công ty nên có những quy định hợp lý về thời gian luân chuyển chứng từ để việc thực hiện hạch toán được nhanh chóng kịp thời chính xác. Hơn nữa, công ty nên có phiếu giao nhận chứng từ để đảm bảo việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, các bộ phận được thuận lợi, các nhân viên có ý thức hơn trong công tác bảo quản chứng từ và cũng dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm, giải quyết trong trường hợp bị mất hay thất lạc.

Biểu 3.3: mẫu phiếu giao nhận chứng từ

Công ty Cổ Phần Trung Thủy

Địa chỉ: 27/739 Nguyễn Văn Linh phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân - Hải Phòng

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày..... tháng..... năm

STT	Loại chứng từ	số hiệu	số lượng	Bên giao	Bên nhận
...

Ngày tháng năm

Đại diện bên giao
(chức vụ, ký, họ tên)

Đại diện bên nhận
(chức vụ, ký, họ tên)

3.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán kế toán, công ty chỉ mới ghi Sổ cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty Cổ Phần Trung Thủy, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng góp phần nắm được tình hình tiêu thụ của từng loại hàng hoá. Từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý một cách chính xác hơn.

Đối với kế toán doanh thu, công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng loại hàng hoá. Việc theo dõi từng sản phẩm là việc rất cần thiết, giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm bắt doanh thu của từng sản phẩm, từ đó phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm. Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng

tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại mặt hàng và chặt chẽ hơn.

Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “Sổ chi tiết giá vốn” cho tài khoản 632 để theo dõi giá vốn theo từng sản phẩm.

Biểu 3.4: Sổ chi tiết tài khoản 5111

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

Mẫu số S17-DNN

**(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản:5111

Đối tượng : gạch đá cẩm thạch

Năm 2016

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Đơn Giá	Doanh thu		Các khoản giảm trừ	
	số hiệu	ngày tháng				SL	TT	Thuế	khác
			Số phát sinh trong năm						
		
10/12	HD 0000130	10/12	bán 20.000 m² gạch đá cẩm thạch	131	92.500	20.000	1.850.000.000		...
			...						
			Cộng số phát sinh						
			Số dư cuối kỳ		

Số này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm 2016

Kế toán trưởng
(ký ,họ tên)

Biểu 3.5: Sổ chi tiết tài khoản 6321

Công Ty Cổ Phần Trung Thủy

**Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

**Tài khoản: 6321
Đối tượng : Gạch đá cẩm thạch**

Năm 2016

Loại tiền: VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Đơn giá	Giá vốn	
	số hiệu	ngày tháng				SL	TT
			Số phát sinh trong năm				
		
10/12	PX 14/12	10/12	Giá vốn gạch cẩm thạch	156	43.142	20.000	862.840.000
			...				
			Cộng số phát sinh				
			Số dư cuối kỳ	

Số này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm2016
Kế toán trưởng
(ký ,họ tên)

3.2.3_ Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty Cổ Phần Trung Thủy

Với sự bùng nổ của ứng dụng tin học công nghệ đã đem lại nhiều hiệu quả kinh tế trên mọi lĩnh vực, trong đó có kế toán, các phần mềm kế toán ra đời nhằm phục vụ đáp ứng nhu cầu thông tin chính xác, nhanh , kịp thời giúp nhà quản trị duy trì mọi hoạt động của công ty.Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, CNS,SAS, ACCURA.....

Em xin giới thiệu một số phần mềm mà công ty có thể sử dụng dưới đây.

❖ Phần mềm MISA SME.NET 2015

MISA SME.NET 2015 là phần mềm dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp.

Giá cài đặt phần mềm là 2.950.000 VNĐ

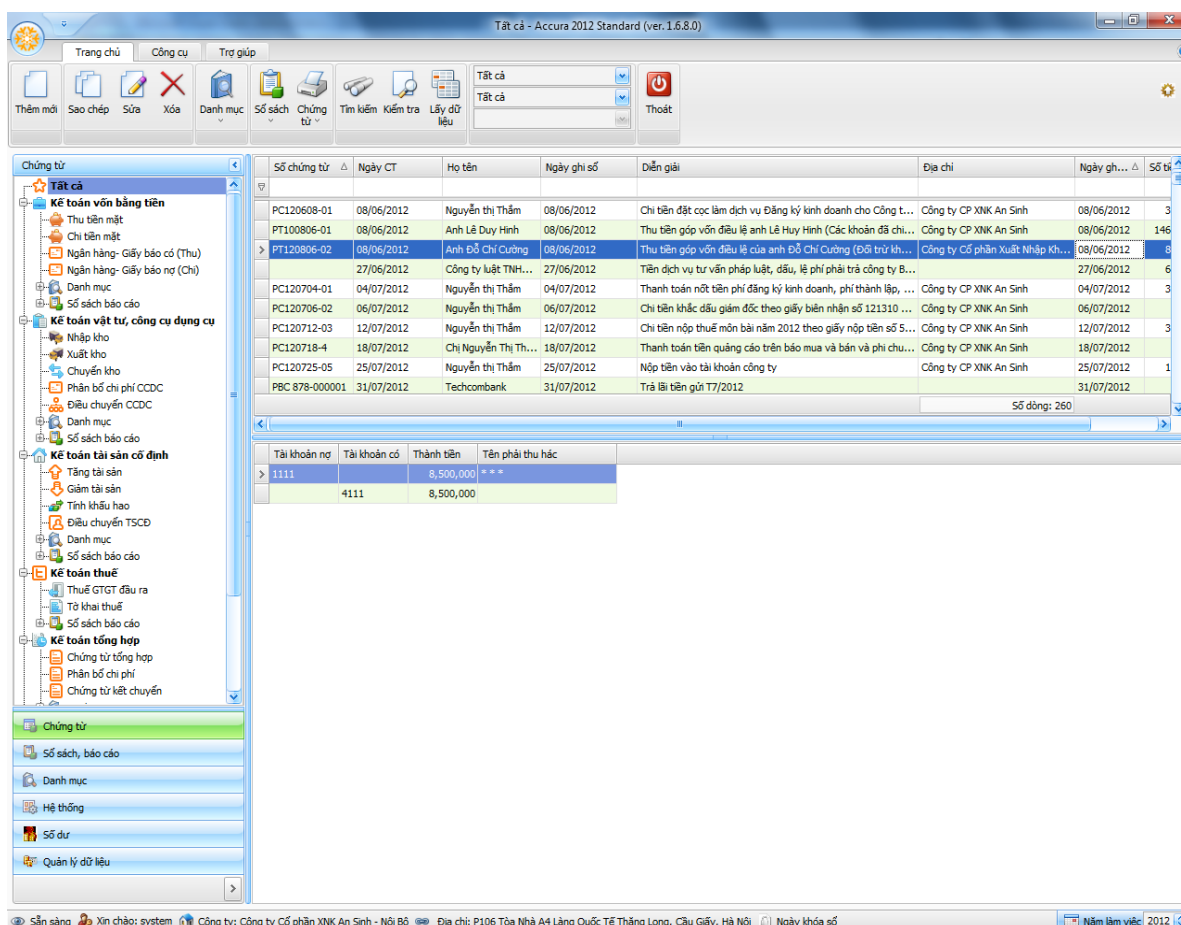
Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015



❖ Phần mềm ACCURA

Là phần mềm dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ gồm có các phân hệ cơ bản sau:

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Quản lý phiếu thu, phiếu chi, chứng từ ngân hàng, chứng từ khác...
 - **Kế toán kho:** Quản lý nhập xuất kho vật tư, hàng hóa, chuyển kho, tính giá xuất kho, kiểm kê
 - **Kế toán tài sản cố định:** Quản lý tăng, giảm, điều chuyển tài sản công cụ, dụng cụ, trích lập khấu hao, phân bổ chi phí
 - **Kế toán thuế:** kê khai, quyết toán các loại thuế (VAT, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt...) và tích hợp phần mềm kê khai thuế qua mạng.
 - **Kế toán tổng hợp:** Hệ thống sổ sách báo cáo theo các hình thức sổ sách chung, báo cáo tài chính, sổ sách báo cáo quản trị, sổ sách báo cáo theo phân hệ
- Giá cài đặt phần mềm :2.500.000 VNĐ
 Giao diện phần mềm



KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, hiểu biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Trong quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán tại **Công Ty Cổ Phần Trung Thủy** em đã quyết định chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh” làm đề tài thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình. Trong bài khóa luận này em đã đề cập đến những vấn đề sau:

- ✓ Về lý luận: Khóa luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ✓ Về thực tiễn: Khóa luận đã phản ánh đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời sử dụng số liệu năm 2016 để chứng minh cho những lập luận đã nêu. Với những kiến thức đã học, cùng với việc tiếp cận thực tế, em đã mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Trung Thủy.

Do kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến đánh giá của các thầy cô. Em xin được gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Ban giám đốc, các anh, chị, cô, chú trong phòng Tài chính – Kế toán Công Ty Cổ Phần Trung Thủy đã tạo điều kiện cũng như cung cấp số liệu khá đầy đủ cho bài viết này của em. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến Thạc sĩ Phạm Thị Kim Oanh – Người đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Hải phòng, ngày 30 tháng 5 năm 2018

Sinh viên

Lê Mỹ Hương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng bộ tài chính- Nhà xuất bản tài chính).
2. Bộ Tài chính (2015), 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2), Nhà xuất bản Tài chính.
 - Quyển 1: “Hệ thống tài khoản kế toán”
 - Quyển 2: “Chế độ kế toán doanh nghiệp: Báo cáo tài chính doanh nghiệp độc lập, báo cáo tài chính hợp nhất, chứng từ và sổ kế toán, ví dụ minh họa”
4. **Khóa luận tốt nghiệp sử dụng số liệu từ nguồn:**
 - Các chứng từ kế toán lấy tại Phòng Tài chính – Kế toán của Công Ty Cổ Phần Trung Thủy năm 2016